

DỰ THẢO

**ĐỀ ÁN
SẮP XẾP TỈNH BẮC KẠN VÀ TỈNH THÁI NGUYÊN**

Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW ngày 29/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; sau khi phối hợp và thống nhất với tỉnh Bắc Kạn, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên trình Chính phủ Đề án sắp xếp tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên như sau:

Phần I

**CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP
ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TỈNH BẮC KẠN VÀ TỈNH THÁI NGUYÊN**

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.

3. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

4. Kết luận 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

5. Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

6. Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

7. Kết luận số 137-KL/TW ngày 29/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

8. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025.

9. Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

10. Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025.

11. Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

12. Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

13. Kế hoạch số 243-KH/TU ngày 03/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn và Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về phối hợp thực hiện Kết luận số 137-KL/TW, ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP TỈNH BẮC KẠN VÀ TỈNH THÁI NGUYÊN

1. Thứ nhất, sắp xếp tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên là cần thiết để thực hiện chủ trương của Đảng về tinh gọn tổ chức bộ máy, giúp cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hơn; giúp tiết kiệm chi phí quản lý nhà nước, từ đó tạo nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng đời sống của Nhân dân.

2. Thứ hai, về lịch sử, hai tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên đã từng hợp nhất thành 01 tỉnh có tên là tỉnh Bắc Thái: Ngày 21/4/1965, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 103-NQ-TVQH hợp nhất tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên thành tỉnh Bắc Thái. Sau khi đất nước thống nhất và bước vào thời kỳ đổi mới, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng miền núi được chú trọng, ngày 06/11/1996, Quốc hội khóa IX ban hành Nghị quyết tái lập tỉnh Bắc Kạn trên cơ sở tách ra từ tỉnh Bắc Thái. Từ năm 1997, tỉnh Bắc Kạn chính thức hoạt động trở lại với 06 đơn vị hành chính cấp huyện.

3. Thứ ba, việc sắp xếp tạo lợi thế to lớn về phát triển kinh tế - xã hội, tạo không gian và dư địa phát triển kinh tế - xã hội cho cả hai tỉnh: Tỉnh Thái Nguyên có thế mạnh về công nghiệp, giáo dục, đào tạo, tỉnh Bắc Kạn có lợi thế về tài nguyên rừng, khoáng sản, thủy điện, du lịch; về công nghiệp, tỉnh Thái Nguyên có ngành luyện kim, cơ khí, khi kết hợp với khoáng sản (sắt, chì, kẽm, đá vôi) ở Bắc Kạn sẽ tạo chuỗi sản xuất liên hoàn; về lâm nghiệp, Bắc Kạn có tỷ lệ che phủ rừng cao nhất trong toàn quốc với diện tích rừng lớn, khi sắp xếp có thể kết hợp với công nghiệp chế biến gỗ và nông sản ở Thái Nguyên; về khai thác khoáng sản, các mỏ than, vật liệu xây dựng ở Bắc Kạn có thể được khai thác hiệu quả hơn nhờ công nghệ và vốn từ Thái Nguyên; về du lịch, Thái Nguyên có các điểm du lịch: Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam, hồ Núi

Cốc, không gian văn hóa trà Tân Cương, đền Đuôm, An toàn khu Định Hóa... có thể kết hợp với các điểm du lịch của Bắc Kạn: hồ Ba Bể, động Nàng Tiên, khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ... tạo thành tuyến du lịch sinh thái - lịch sử hấp dẫn; về giáo dục, đào tạo, y tế, Thái Nguyên có Đại học Thái Nguyên, Bệnh viện Trung ương, khi sắp xếp, người dân Bắc Kạn được tiếp cận dịch vụ chất lượng cao hơn, các trường dạy nghề, trung tâm đào tạo có thể mở rộng sang Bắc Kạn, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực...

4. Thứ tư là việc sắp xếp tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên sẽ giúp hai tỉnh hỗ trợ cho nhau, phân bổ nguồn lực hợp lý hơn, đầu tư cơ sở hạ tầng (đường sá, điện, trường học) từ Thái Nguyên lên Bắc Kạn, thúc đẩy phát triển đồng đều, tạo thêm dư địa phát triển kinh tế - xã hội cho cả hai tỉnh. Đồng thời, sẽ hình thành một không gian phát triển thống nhất, kết hợp giữa thế mạnh công nghiệp - đô thị của Thái Nguyên với tiềm năng tài nguyên - sinh thái, nguồn lao động của tỉnh Bắc Kạn; tạo điều kiện thu hút mạnh mẽ lao động của tỉnh Bắc Kạn về làm việc tại các khu công nghiệp lớn của tỉnh Thái Nguyên như: Khu công nghiệp Yên Bình, Diềm Thụy, Sông Công..., từ đó nâng cao thu nhập người dân tỉnh Bắc Kạn.

5. Thứ năm là tạo ra sự liên kết vùng và giao thông: Hai tỉnh có hệ thống giao thông kết nối tốt với nhau, đặc biệt là tuyến đường Hồ Chí Minh nhánh Tây (qua Bắc Kạn), tuyến Quốc lộ 3, cao tốc Thái Nguyên - Chợ Mới, giúp dễ dàng đi lại và vận chuyển hàng hóa. Việc sắp xếp sẽ tạo điều kiện thuận lợi để quy hoạch hạ tầng liên tỉnh hiệu quả hơn, thúc đẩy kết nối vùng.

6. Thứ sáu, việc sắp xếp tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên không chỉ mang lại lợi ích kinh tế - xã hội mà còn có ý nghĩa quan trọng về an ninh, quốc phòng, đặc biệt trong việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân, xây dựng thế trận quân sự, thế trận an ninh, góp phần xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, cụ thể như: Tỉnh Thái Nguyên là trung tâm quân sự quan trọng, nơi đặt trụ sở Bộ Tư lệnh Quân khu 1, Bắc Kạn có địa hình hiểm trở, từng là căn cứ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, hiện nay tỉnh Bắc Kạn đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận là vùng An toàn khu của Trung ương¹; việc sắp

¹ Quyết định số 1803/QĐ-TTg ngày 13/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

xếp thuận lợi cho xây dựng thể trận quân sự liên hoàn vững chắc trên địa bàn Quân khu 1 (đóng tại Thái Nguyên).

7. Thứ bảy, tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên có nhiều nét văn hóa tương đồng, cả hai tỉnh đều có cộng đồng người Tày, Nùng chiếm tỷ lệ lớn, với nhiều phong tục, lễ hội và sinh hoạt văn hóa tương đồng, đồng thời đều chịu ảnh hưởng của văn hóa người Kinh (Việt) trong quá trình giao thoa văn hóa; có nhiều phong tục truyền thống giống nhau như: Tết Thanh Minh, lễ hội Lồng Tồng... Cả hai tỉnh đều gắn liền với căn cứ địa, thủ đô kháng chiến chống Pháp nên có nhiều di tích lịch sử và văn hóa cách mạng tương đồng, đặc biệt là các di tích lịch sử An toàn khu. Do vậy, khi sắp xếp hai tỉnh sẽ tạo được sự ủng hộ, đồng thuận cao giữa Nhân dân trên địa bàn hai tỉnh.

8. Thứ tám là phù hợp với xu hướng chung của thế giới: Việc sắp xếp hai tỉnh phù hợp với quy luật vận động, phát triển chung của các quốc gia trên thế giới. Trong thời đại khoa học công nghệ phát triển, đặc biệt là công nghệ số, chuyển đổi số giúp giảm sự can thiệp trực tiếp của con người vào các hoạt động quản trị hành chính công.

Phần II

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG TỈNH BẮC KẠN VÀ TỈNH THÁI NGUYÊN

I. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TỈNH BẮC KẠN VÀ TỈNH THÁI NGUYÊN

1. Tỉnh Bắc Kạn

Thế kỷ VII-III trước công nguyên, dưới thời Hùng Vương, vùng đất Bắc Kạn thuộc bộ Vũ Định - một trong 15 bộ của Nhà nước Văn Lang; thời Lý, thuộc châu Thái Nguyên, sau đổi là châu Vũ Lặc; thời Trần, thuộc trấn Thái Nguyên; thời Lê Thái Tổ (1428 - 1433), thuộc Bắc đạo (gồm Bắc Giang, Lạng Sơn và Thái Nguyên); thời vua Lê Thánh Tông (1460 - 1497), thuộc Thái Nguyên thừa tuyên (1466), đến năm 1469 đổi thành Ninh Sóc thừa tuyên.

Dưới triều Nguyễn, trong 02 năm (1831 - 1832), Vua Minh Mệnh bỏ các tổng trấn, đổi các dinh trấn thành tỉnh. Vùng đất Bắc Kạn vẫn thuộc phủ Thông Hóa, tỉnh Thái Nguyên gồm huyện Cẩm Hóa (nay thuộc Na Rì, Ngân Sơn, vùng Phủ Thông của huyện Bạch Thông) và châu Bạch Thông (nay thuộc Bạch Thông, Chợ Đồn, Ba Bể).

Thời thuộc Pháp, theo Nghị định ngày 20/8/1891 và Nghị định ngày 09/9/1891 của Toàn quyền Đông Dương, Bắc Kạn thuộc 02 đạo quan binh.

Ngày 11/4/1900, theo Nghị định của Toàn quyền Đông Dương, tỉnh Bắc Kạn được chính thức thành lập, bao gồm các châu: Bạch Thông, Chợ Rã, Thông Hóa (sau đổi thành Na Rì), Cẩm Hóa (sau đổi thành Ngân Sơn).

Ngày 22/01/1901, thị xã Bắc Kạn được thành lập theo Quyết định của Thống sứ Bắc Kỳ; khi đó thị xã vừa là tỉnh lỵ tỉnh Bắc Kạn và vừa là châu lỵ châu Bạch Thông. Thị xã Bắc Kạn trở thành trung tâm hành chính, kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa của tỉnh Bắc Kạn. Các cơ quan đầu não bộ máy cai trị của chính quyền thực dân phong kiến đều đóng ở đây.

Để mở rộng địa giới tỉnh Bắc Kạn, ngày 25/6/1901, chính quyền thực dân cắt tổng Yên Đình từ huyện Phú Lương (phủ Tòng Hoá, tỉnh Thái Nguyên) sáp nhập về châu Bạch Thông (Bắc Kạn). Năm 1916, châu Chợ Đồn được thành lập, gồm 02 tổng: Đông Viên và Nhu Viễn. Từ thời điểm này, tỉnh Bắc Kạn bao gồm 5 châu: Bạch Thông, Na Rì, Ngân Sơn, Chợ Rã và Chợ Đồn, với 20 tổng và 103 xã.

Thực hiện Nghị quyết số 103-NQ-TVQH ngày 21/4/1965 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, từ ngày 01/7/1965, hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên hợp nhất thành tỉnh Bắc Thái, gồm 14 đơn vị hành chính trực thuộc.

Ngày 29/12/1978, theo Nghị quyết kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa VI đã phê chuẩn việc phân vạch lại địa giới hành chính một số tỉnh, thành phố, trong đó có tỉnh Bắc Thái. Do vậy, hai huyện Ngân Sơn, Chợ Rã (Ba Bể) thuộc Bắc Thái được tách ra và nhập vào tỉnh Cao Bằng.

Thực hiện Nghị quyết kỳ họp thứ 10 ngày 06/11/1996 của Quốc hội (khóa IX) nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tỉnh Bắc Thái được chia

thành 02 tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên. Cùng thời gian này, 02 huyện: Ngân Sơn, Ba Bể của tỉnh Cao Bằng và 10 xã, thị trấn phía Bắc của huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên được sáp nhập vào tỉnh Bắc Kạn.

Ngày 01/01/1997, tỉnh Bắc Kạn được tái lập. Đây là một sự kiện chính trị quan trọng, đánh dấu bước phát triển của Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc tỉnh Bắc Kạn.

2. Tỉnh Thái Nguyên

Thái Nguyên là vùng đất có bề dày lịch sử, văn hóa lâu đời.

Thế kỷ VII-III trước công nguyên, dưới thời Hùng Vương, vùng đất Thái Nguyên thuộc bộ Vũ Định - một trong 15 bộ của Nhà nước Văn Lang.

Thời thuộc nhà Triệu (179 - 111 trước công nguyên), vùng đất Thái Nguyên thuộc quận Giao Chỉ; thời thuộc Hán (111 trước công nguyên - 220 sau công nguyên), thuộc huyện Long Biên, quận Giao Chỉ. Sau nhà Hán, các triều đại Ngô, Ngụy, Tấn, Tống, Tề, Lương tiếp tục kế tiếp nhau xâm chiếm và đô hộ, vùng đất Thái Nguyên vẫn thuộc quận Giao Chỉ.

Năm 542, khởi nghĩa Lý Bí thắng lợi lập ra nhà Tiền Lý, đặt tên nước là Vạn Xuân (544 - 602), Thái Nguyên thuộc về nước Vạn Xuân.

Từ năm 603, nước Vạn Xuân bị nhà Tùy đô hộ, bãi bỏ đơn vị hành chính cấp châu, chia nước thành 7 quận. Vùng đất Thái Nguyên thuộc quận Giao Chỉ.

Năm 618, nhà Đường thay thế nhà Tùy đô hộ, đổi các quận thành châu. Vùng đất Thái Nguyên thuộc Giao Châu.

Năm 1242, vùng đất Thái Nguyên là một châu thuộc Như Nguyệt Giang lộ. Năm 1397, châu Thái Nguyên được đổi là trấn Thái Nguyên. Thời thuộc Minh (từ năm 1407), trấn Thái Nguyên đổi thành châu Thái Nguyên; đến năm 1412 được đổi thành phủ Thái Nguyên. Năm 1426, phủ Thái Nguyên được đổi thành Thái Nguyên thừa chính ty.

Tháng 4/1428, thời vua Lê Thái Tổ, cả nước được chia thành 5 đạo: Đông, Tây, Nam, Bắc và Hải Tây; Thái Nguyên khi đó thuộc Bắc Đạo. Năm 1466, vua Lê Thánh Tông chia cả nước thành 1 phủ và 12 đạo thừa tuyên. Thái Nguyên là một trong 12 đạo thừa tuyên.

Năm 1467, thừa tuyên Thái Nguyên được đổi thành thừa tuyên Ninh Sóc. Đến năm Hồng Đức thứ 21 (1490), thừa tuyên Ninh Sóc được đổi thành xứ Thái Nguyên. Năm 1533, xứ Thái Nguyên được đổi thành trấn Thái Nguyên.

Năm 1802, trong giai đoạn đầu triều Nguyễn, cả nước được chia thành 27 dinh, trấn, đồng thời thiết lập Bắc Thành (từ Thanh Hóa trở ra bắc) và Gia Định thành (từ Bình Định trở vào Nam). Thái Nguyên là một trong 11 trấn thuộc Bắc Thành.

Năm Minh Mệnh thứ 12 (1831), trấn Thái Nguyên được đổi thành tỉnh Thái Nguyên.

Năm 1858, thực dân Pháp tiến hành xâm lược Việt Nam. Ngày 24/8/1891, Toàn quyền Đông Dương ban hành Nghị định thiết lập 4 đạo quan binh, tỉnh Thái Nguyên trên danh nghĩa không còn tồn tại, các phân lãnh thổ của tỉnh Thái Nguyên bị chia cắt và được nhập vào các tiểu khu thuộc các đạo quan binh.

Sau khi đàn áp được các cuộc khởi nghĩa chống Pháp, Toàn quyền Đông Dương cho lập lại các chính quyền dân sự, ngày 10/10/1892, tỉnh Thái Nguyên được tái lập. Từ đó cho đến tháng 8/1945, địa giới hành chính tỉnh Thái Nguyên có nhiều thay đổi do sự điều chỉnh của chính quyền cai trị, tuy nhiên, tên tỉnh Thái Nguyên được giữ nguyên.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Thái Nguyên là một đơn vị hành chính cấp tỉnh của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ngày 06/6/1956, Khu Tự trị Việt Bắc được thành lập. Thái Nguyên (trừ huyện Phổ Yên cắt về tỉnh Vĩnh Phúc và huyện Phú Bình cắt về tỉnh Bắc Giang) là một trong 5 tỉnh trực thuộc Khu Tự trị Việt Bắc.

Ngày 21/4/1965, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 103-NQ-TVQH hợp nhất hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên thành tỉnh Bắc Thái.

Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời kì đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ngày 06/11/1996, tại kì họp lần thứ 10, Quốc hội (khoá IX) nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra nghị quyết chia tách và điều chỉnh địa giới một số tỉnh trong cả nước. Theo đó, tỉnh Bắc Thái được tách

thành 2 tỉnh: Bắc Kạn và Thái Nguyên, có địa giới như trước khi hợp nhất (7/1965) và hoạt động theo đơn vị hành chính mới từ ngày 01/01/1997.

II. HIỆN TRẠNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TỈNH BẮC KẠN VÀ TỈNH THÁI NGUYÊN

1. Tỉnh Bắc Kạn

a) Vị trí địa lý

Trung tâm hành chính tỉnh Bắc Kạn cách thủ đô Hà Nội khoảng 170 km về phía Bắc, cách biên giới Việt Nam - Trung Quốc khoảng 200 km dọc theo Quốc lộ 3 nối từ Hà Nội qua thành phố Bắc Kạn đến Cao Bằng ra các cửa khẩu biên giới với Trung Quốc. Địa giới hành chính tỉnh Bắc Kạn: Đông giáp tỉnh Lạng Sơn; Tây giáp tỉnh Tuyên Quang; Nam giáp tỉnh Thái Nguyên; Bắc giáp tỉnh Cao Bằng.

b) Diện tích tự nhiên, quy mô dân số và số đơn vị hành chính trực thuộc

Số liệu về diện tích tự nhiên, quy mô dân số tính đến thời điểm ngày 31/12/2024 như sau:

- Diện tích tự nhiên: 4.853,25 km².
- Quy mô dân số: 365.318 người.
- Số đơn vị hành chính trực thuộc: 08 đơn vị (gồm thành phố Bắc Kạn, các huyện: Ba Bể, Bạch Thông, Chợ Đồn, Chợ Mới, Na Rì, Ngân Sơn, Pác Nặm).

c) Chức năng, vai trò

Tỉnh Bắc Kạn là tỉnh có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng - an ninh khu vực phía Bắc. Trong kháng chiến chống Pháp, Bắc Kạn là căn cứ cách mạng, nổi bật với An toàn khu. Hiện nay, tỉnh Bắc Kạn đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận là vùng An toàn khu của Trung ương đặt tại Bắc Kạn. Tỉnh có diện tích rừng tự nhiên và độ che phủ rừng cao nhất cả nước (đạt 73%), đóng vai trò quan trọng trong bảo vệ môi trường sinh thái, phòng, chống thiên tai và cung cấp tài nguyên lâm sản; có Hồ Ba Bể là hồ nước ngọt tự nhiên lớn

nhất Việt Nam được UNESCO đánh giá là vùng có giá trị bảo tồn cao, thích hợp phát triển du lịch bền vững, du lịch xanh, sinh thái, trải nghiệm.

d) Tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh²

Năm 2024, tổng sản phẩm GRDP (theo giá so sánh năm 2010) đạt 9.531 tỷ đồng, tăng trưởng 7,4%; trong đó nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,53%; công nghiệp - xây dựng tăng 9,01% (công nghiệp tăng 11%; xây dựng tăng 7,85%); dịch vụ tăng 8,9%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp tăng 5,8%.

Tổng sản phẩm theo giá hiện hành đạt 18.744 tỷ đồng; GRDP bình quân đầu người đạt 57 triệu đồng/người, đạt 102% kế hoạch. Cơ cấu kinh tế: nông, lâm nghiệp và thủy sản 26,6%; công nghiệp - xây dựng 17,57% (công nghiệp 9,47%; xây dựng 8,1%); dịch vụ 53%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp 2,8%.

Công nghiệp

Trong năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh đã công nhận và cấp giấy chứng nhận cho 27 sản phẩm, bộ sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh. Năm 2024, hoạt động sản xuất công nghiệp cơ bản ổn định. Giá trị sản xuất đạt 2.023,722 tỷ đồng, đạt 106,5% kế hoạch, tăng 13,4% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện đạt 98,5%.

Nông, lâm nghiệp, thủy sản, xây dựng nông thôn mới

Diện tích cây lương thực có hạt đạt 97,2% kế hoạch, bằng 85,8% so với cùng kỳ năm 2023; sản lượng lương thực có hạt đạt 94,9% kế hoạch, bằng 100,8% so với cùng kỳ; diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa đạt 547% kế hoạch. Trồng rừng mới 5.260 ha, đạt 150% kế hoạch. Toàn tỉnh đã khai thác 370.136 m³ gỗ, đạt 107% kế hoạch. Sản lượng thịt hơi các loại đạt 29.061 tấn, đạt 95,5% kế hoạch. Diện tích nuôi trồng thủy sản 1.344 ha, sản lượng đạt 2.735 tấn, đạt 91,8% kế hoạch.

Trong năm 2024, số xã được công nhận nông thôn mới tăng thêm 04 xã, không có xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; có thêm 20 sản phẩm OCOP 3 sao trở lên. Bình quân toàn tỉnh đạt 12,79 tiêu chí/xã; có 221 sản phẩm OCOP từ

² Nguồn: Báo cáo số 600-BC/TU ngày 11/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn tổng kết công tác năm 2024; Báo cáo số 878/BC-UBND ngày 20/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn về tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ và tình hình kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh tháng 12 và 12 tháng năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

3 sao trở lên (trong đó, có 04 sản phẩm OCOP 5 sao, 18 sản phẩm OCOP 4 sao, 199 sản phẩm OCOP 3 sao).

Toàn tỉnh có 28 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 74 thôn được công nhận đạt chuẩn thôn nông thôn mới.

Thương mại, dịch vụ, tài chính, ngân hàng

Trong năm 2024, tình hình thị trường ổn định, tốc độ phát triển khá; thị trường diễn ra sôi động, hàng hóa phong phú đáp ứng đầy đủ nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân, sức tiêu thụ tăng cao; không có tình trạng thiếu hàng, gián đoạn nguồn hàng gây tăng giá đột biến; các hoạt động xúc tiến thương mại trong và ngoài tỉnh tiếp tục thực hiện tốt; hoạt động xuất khẩu có nhiều thuận lợi, lượng hàng hóa xuất khẩu tăng khá cao so với cùng kỳ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 11.221,8 tỷ đồng, đạt 133,7% kế hoạch, tăng 20,3% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu của tỉnh đạt 41 triệu USD, đạt 133% kế hoạch. Trong đó: Kim ngạch xuất khẩu đạt 35 triệu USD, đạt 152% kế hoạch với các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là kẽm sulphat, chì chưa gia công, dừa gỗ, gỗ ván sàn công nghiệp nhiều lớp, các mặt hàng hoa quả đã qua chế biến; kim ngạch nhập khẩu đạt 06 triệu USD.

Tổng thu ngân sách nhà nước đến hết năm 2024 được 945,133 tỷ đồng, đạt 102% dự toán Trung ương giao, 94% dự toán tỉnh giao. Tổng chi ngân sách địa phương đến ngày 31/12/2024 được 6.568,2 tỷ đồng, đạt 88,3% dự toán giao đầu năm.

Hoạt động của các ngân hàng duy trì ổn định, đáp ứng nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Tổng huy động vốn ước đạt 15.777 tỷ đồng, tăng 9,6% so với cùng kỳ năm trước; tổng dư nợ tín dụng đạt 15.303 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ năm trước; tỷ lệ nợ xấu chiếm 0,67% trong tổng dư nợ.

Y tế, giáo dục và đào tạo

Toàn tỉnh có 01 bệnh viện tuyến tỉnh, 08 trung tâm y tế, 108 trạm y tế xã và 158 phòng khám tư nhân; toàn tỉnh có 588 bác sỹ (trong đó gồm 471 bác sỹ thuộc bệnh viện tỉnh và TTYT huyện, thành phố; 70 bác sỹ thuộc cơ quan quản

lý nhà nước, đơn vị dự phòng tuyến tỉnh và 47 bác sỹ thuộc các bệnh viện, phòng khám tư nhân).

Công tác giáo dục và đào tạo được tổ chức thực hiện theo kế hoạch đảm bảo theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục mũi nhọn được nâng cao; số lượng và chất lượng các giải đạt được trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia tiếp tục có chuyển biến tích cực (kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia năm học 2023 - 2024 tỉnh Bắc Kạn đạt 18 giải; đây là năm đầu tiên Bắc Kạn có học sinh đoạt giải ở tất cả các môn tham gia thi); tổ chức thành công Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2024, tỷ lệ đỗ tốt nghiệp đạt 97,4%, vượt chỉ tiêu đề ra.

Về giáo dục nghề nghiệp, giáo dục phổ thông: Toàn tỉnh có 01 Trường Cao đẳng Bắc Kạn, 09 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; 10 trường trung học phổ thông; 04 trường trung học cơ sở và trung học phổ thông, 47 trường trung học cơ sở; 49 trường tiểu học và trung học cơ sở, 63 trường tiểu học; 107 trường mầm non.

Văn hóa, thể thao và du lịch

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn và sự kiện lịch sử trong năm 2024; tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ, tổ chức lễ hội, hội xuân, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, mừng Đảng, mừng xuân; tập trung chỉ đạo xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới. Triển khai thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; tổ chức trình diễn di sản văn hóa phi vật thể quốc gia tỉnh Bắc Kạn. Xây dựng Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng và phát triển văn hoá con người Bắc Kạn đến năm 2030 đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Năm 2024 có 90,8% số hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa và 94% thôn, tổ, khu phố đạt chuẩn văn hóa.

Các hoạt động thư viện, điện ảnh, biểu diễn nghệ thuật, triển lãm, quảng cáo được tổ chức thực hiện phù hợp với tình hình của tỉnh. Trong năm 2024, ngành chuyên môn tiếp tục thực hiện phục vụ bạn đọc tại các thư viện và phục vụ lưu động; tổ chức biểu diễn nghệ thuật, chiếu phim phục vụ Nhân dân; tổ

chức 02 cuộc triển lãm ảnh phục vụ Hội xuân tại huyện Bạch Thông và Chợ tình xã Xuân Dương, huyện Na Rì.

Phong trào thể dục thể thao được duy trì và phát triển rộng khắp, cho mọi đối tượng, các loại hình tập luyện, các môn thể thao hiện đại được duy trì thu hút được đông đảo quần chúng Nhân dân tham gia. Trong năm 2024, tỉnh triển khai, tổ chức: Tháng hoạt động thể dục, thể thao cho mọi người và Ngày chạy Olympic vì sức khoẻ toàn dân năm 2024; tổ chức Giải vô địch Đẩy gậy - Kéo co tỉnh

Bắc Kạn; Giải vô địch Việt dã tỉnh Bắc Kạn, tham gia và đạt kết quả tốt tại các giải thể thao quốc gia, đồng thời tỉnh đã tổ chức đăng cai thành công các giải quốc gia trên địa bàn tỉnh.

Trên địa bàn tỉnh có 04 công ty kinh doanh dịch vụ lữ hành, trong đó có 03 công ty du lịch lữ hành nội địa, 01 công ty du lịch lữ hành quốc tế; 238 cơ sở lưu trú với tổng số 2.304 phòng. Trong năm 2024, toàn tỉnh đón 950.000 lượt khách, đạt 95% kế hoạch; doanh thu từ du lịch đạt trên 700 tỷ đồng.

Thực hiện chính sách xã hội

Công tác lao động, việc làm được triển khai theo kế hoạch. Tỉnh tăng cường quản lý công tác tư vấn, tuyển chọn lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Trong năm 2024, giải quyết việc làm cho 7.000 người lao động, đạt 109% kế hoạch, tư vấn giới thiệu việc làm cho 10.000 người, đạt 125% kế hoạch; tuyển sinh và đào tạo là 11.400 người, đạt 190% kế hoạch. Hiện nay, đối tượng thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc là 23.903 người, đạt 102% kế hoạch; bảo hiểm xã hội tự nguyện là 9.523 người, đạt 103% kế hoạch; bảo hiểm xã hội thất nghiệp là 18.004 người, đạt 104% kế hoạch. Công tác giảm nghèo tiếp tục được chỉ đạo, triển khai quyết liệt; đơn đốc đẩy nhanh tiến độ triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024; tiếp tục triển khai hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo có khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn từ nguồn xã hội hóa, tổng số nhà được hỗ trợ từ đầu năm đến nay là 538 hộ. Tỷ lệ giảm nghèo năm 2024 đạt 02%, trong đó tỷ lệ giảm nghèo tại các huyện nghèo đạt trên 04%, đạt 100% kế hoạch.

Công tác dân tộc, tôn giáo

Các chương trình, chính sách dân tộc tiếp tục được triển khai thực hiện kịp thời, đảm bảo đầy đủ, đúng đối tượng; tỉnh tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho người có uy tín nhân dịp các ngày lễ lớn; thăm hỏi động viên, hỗ trợ kịp thời gia đình người có uy tín bị thiệt hại do mưa dông; tổ chức các lớp tập huấn cho người có uy tín;... Tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội của vùng đồng bào dân tộc thiểu số ổn định, Nhân dân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tình hình hoạt động tôn giáo vùng đồng bào dân tộc thiểu số được đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã xây dựng kế hoạch công tác tín ngưỡng, tôn giáo năm 2024; Kế hoạch công tác đối với đạo Tin lành 2024-2025; Kế hoạch triển khai thi hành Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo năm 2024 và các văn bản chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Thăm hỏi, chúc mừng chúc sắc, chúc việc tôn giáo dịp tết Nguyên đán năm 2024, dịp lễ trọng tôn giáo trên địa bàn tỉnh. Chấp thuận đề Tổng hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc) thành lập Ban đại diện Tin Lành tỉnh. Chỉ đạo các đơn vị, địa phương thực hiện công tác tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

Công tác quốc phòng, an ninh

Các lực lượng vũ trang của tỉnh tiếp tục duy trì thực hiện nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, cứu hộ, cứu nạn ở tất cả các cấp theo đúng quy định; công tác tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu; tổ chức diễn tập cấp xã đạt kết quả tốt. Cơ quan công an của tỉnh thường xuyên theo dõi sát tình hình, chủ động ngăn chặn các âm mưu, ứng phó kịp thời các tình huống; thực hiện đấu tranh, ngăn chặn, xử lý nghiêm các loại tội phạm, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Năm 2024, số vụ phạm tội về trật tự xã hội giảm 24% so với năm 2023, vượt chỉ tiêu đề ra (xảy ra 161 vụ, 204 đối tượng, làm 07 người chết, 53 người bị thương, thiệt hại tài sản trên 3 tỷ đồng, chủ yếu là các loại tội phạm trộm cắp tài sản, cố ý gây thương tích, lừa đảo chiếm đoạt tài sản,... Đã điều tra, khám phá 174/184 vụ, làm rõ 228 đối tượng, đạt tỷ lệ 95%). Công tác thanh tra, kiểm tra an toàn

giao thông đường bộ luôn được các lực lượng chức năng duy trì thường xuyên; tăng cường kiểm tra, kiểm soát trong hoạt động vận tải; bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông thông suốt phục vụ nhu cầu đi lại, vận tải hành khách, hàng hóa của Nhân dân được thuận lợi, an toàn. Toàn tỉnh xảy ra 86 vụ tai nạn giao thông làm 32 người chết, 92 người bị thương, thiệt hại tài sản 1,51 tỷ đồng (tăng 18 vụ, tăng 02 người chết, tăng 26 người bị thương so với năm 2023).

d) Các chính sách đặc thù hiện hưởng

Tỉnh Bắc Kạn là tỉnh vùng cao theo Quyết định số 68/UBQĐ ngày 09/8/1997 của Bộ trưởng - Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi về công nhận các xã, huyện, tỉnh là miền núi, vùng cao. Do vậy, tỉnh Bắc Kạn đang được hưởng các chính sách đặc thù đối với tỉnh vùng cao.

e) Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị tại địa bàn

Về tổ chức bộ máy:

Khối đảng, đoàn thể

*** Tỉnh ủy**

- Cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy: 05 cơ quan.
- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể: 06 cơ quan.
- Các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy: 12 đảng bộ.
- Đơn vị sự nghiệp: 02 đơn vị.

*** Các Huyện ủy, Thành ủy**

- Cơ quan tham mưu giúp việc Huyện ủy, Thành ủy: 32 cơ quan (mỗi Huyện ủy, Thành ủy có 04 cơ quan).

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể: 48 cơ quan (mỗi Huyện ủy, Thành ủy có 06 cơ quan).

- Đơn vị sự nghiệp: 08 đơn vị (mỗi Huyện ủy, Thành ủy có 01 đơn vị).

- Các đảng bộ trực thuộc Huyện ủy, Thành ủy: 129 đảng bộ.

*** Cấp xã: 108 đảng bộ, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cấp xã.**

Khối chính quyền

*** Khối Hội đồng nhân dân**

- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Kạn: 06 người, trong đó có Trưởng đoàn, 01 Phó Trưởng đoàn và 04 đại biểu Quốc hội.

- Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn

+ Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: 49 đại biểu.

+ Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh: 07 người; trong đó có Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 04 ủy viên.

+ Các ban Hội đồng nhân dân tỉnh: 04 ban (Ban Pháp chế, Ban Dân tộc, Ban Văn hóa - Xã hội, Ban Kinh tế - Ngân sách).

+ Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

*** Hội đồng nhân dân cấp huyện**

+ Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện: 211 đại biểu/8 huyện, thành phố.

+ Các ban Hội đồng nhân dân cấp huyện: Hội đồng nhân dân huyện, thành phố có 02 ban (Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Xã hội).

- Hội đồng nhân dân cấp xã: 108 Hội đồng nhân dân cấp xã.

*** Khối Ủy ban nhân dân**

- Ủy ban nhân dân tỉnh

+ Cơ quan hành chính thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh: 14 cơ quan (13 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và 01 cơ quan hành chính khác là Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh).

+ Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh: 07 đơn vị.

+ Các tổ chức hội cấp tỉnh: 31 hội. Trong đó có 12 hội được giao biên chế

- Ủy ban nhân dân cấp huyện:

+ 08 đơn vị hành chính cấp huyện (07 huyện và 01 thành phố).

+ Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: 80 cơ quan (mỗi huyện, thành phố có 10 phòng chuyên môn).

+ Các tổ chức hội cấp huyện: 90 hội. Trong đó 08 hội được giao biên chế (8 Hội Chữ Thập đỏ của 8 huyện, thành phố).

+ Đơn vị sự nghiệp: 306 đơn vị.

- Ủy ban nhân dân cấp xã: có 108 xã, phường, thị trấn.

Biên chế cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị tại địa bàn

* Tổng số cán bộ, công chức, viên chức được giao: 14.395 biên chế, trong đó:

Cấp tỉnh: 4.633 biên chế, trong đó:

- Cán bộ: 50 biên chế.
- Công chức: 1.128 biên chế.
- Viên chức: 3.455 biên chế.

Cấp huyện: 7.574 biên chế, trong đó:

- Cán bộ: 203 biên chế.
- Công chức: 759 biên chế.
- Viên chức: 6.612 biên chế.

Cấp xã: 2.188 người.

- Cán bộ: 1.188 người.
- Công chức: 1.000 người.

* Tổng số cán bộ, công chức, viên chức hiện có: 13.444 người, trong đó:

Cấp tỉnh: 4.153 người, trong đó:

- Cán bộ: 46 người.
- Công chức: 1.013 người.
- Viên chức: 3.094 người.

Cấp huyện: 7.236 người, trong đó:

- Cán bộ: 194 người.
- Công chức: 693 người.
- Viên chức: 6.349 người.

Cấp xã:	2.055 người.
- Cán bộ:	1.057 người.
- Công chức:	998 người.

2. Tỉnh Thái Nguyên

a) Vị trí địa lý

Trung tâm hành chính tỉnh Thái Nguyên cách thủ đô Hà Nội khoảng 75 km về phía Bắc. Địa giới hành chính tỉnh Thái Nguyên: Đông giáp tỉnh Lạng Sơn và tỉnh Bắc Giang; Tây giáp tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Vĩnh Phúc; Nam giáp thành phố Hà Nội; Bắc giáp tỉnh Bắc Kạn.

b) Diện tích tự nhiên, quy mô dân số và số đơn vị hành chính trực thuộc

Số liệu về diện tích tự nhiên, quy mô dân số tính đến thời điểm ngày 31/12/2024 như sau:

- Diện tích tự nhiên: 3.521,96 km².
- Quy mô dân số: 1.434.171 người.
- Số đơn vị hành chính trực thuộc: 09 đơn vị (gồm thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công, thành phố Phổ Yên và các huyện: Định Hóa, Phú Lương, Đồng Hỷ, Võ Nhai, Đại Từ, Phú Bình).

c) Chức năng, vai trò

Tỉnh Thái Nguyên là trung tâm kinh tế, văn hóa, thể dục thể thao, khoa học kỹ thuật, giáo dục và đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe, du lịch, dịch vụ của vùng Trung du và miền núi phía Bắc; là cửa ngõ giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội giữa các vùng, có vai trò kết nối giữa vùng Thủ đô Hà Nội với vùng trung du và miền núi Bắc Bộ; có vị trí địa lý quan trọng, chiến lược về an ninh, quốc phòng;

đóng vai trò là một cực tăng trưởng quan trọng của vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

d) Tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh³

Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của năm 2024 như sau:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) đạt 6,22%.
- Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) bình quân đầu người đạt 119,2 triệu đồng/người.
- Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh năm 2010) đạt 1.030 nghìn tỷ đồng, tăng 8% so với cùng kỳ.
- Tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu năm 2024 trên địa bàn tỉnh đạt 27,6 tỷ USD, tăng 7,2%.
- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 20.403 tỷ đồng, bằng 126,6% dự toán.
- Giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,16%. Có thêm 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới; 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới (đạt kế hoạch).
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia là 89,2% (đạt kế hoạch); tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số được học tại các trường dân tộc nội trú là 8% (đạt kế hoạch). Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế là 72% (đạt kế hoạch). Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế là 95% (đạt kế hoạch).
- Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh năm 2024 là 2,04% (giảm 0,98%, vượt kế hoạch; kế hoạch là giảm 0,8%). Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 76% (vượt kế hoạch, kế hoạch là 74%). Tỷ lệ gia đình văn hóa trên 90%; xóm, làng, tổ dân phố văn hóa trên 90%; cơ quan, đơn vị văn hóa trên 92% (đạt kế hoạch).
- Tỷ lệ che phủ rừng trên 46% (đạt kế hoạch). Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh là 97,5% (đạt kế hoạch).

Công nghiệp

Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2024 (theo giá so sánh năm 2010) đạt 1.030 nghìn tỷ đồng, tăng 8% so với cùng kỳ và bằng 97,6% kế hoạch. Trong đó

³ Báo cáo số 576-BC/TU ngày 07/01/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tổng kết công tác thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2024; phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2025 của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên.

công nghiệp địa phương đạt 45 nghìn tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ, bằng 92,1% kế hoạch; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 958,3 nghìn tỷ đồng (chiếm 93% tổng giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn), tăng 8,2% so với cùng kỳ.

Một số ngành có chỉ số sản xuất tăng so với cùng kỳ như: Sản xuất xe có động cơ tăng 48,56%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 43,05%; thoát nước và xử lý nước thải tăng 28,71%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác tăng 17,76%; sản xuất linh kiện điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 10,53%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 5,61%; sản xuất trang phục tăng 4,41%...

Nông, lâm nghiệp, thủy sản và xây dựng nông thôn mới

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2024 (theo giá so sánh năm 2010) đạt 16.389 tỷ đồng, tăng 3,16% so cùng kỳ, bằng 99,63% kế hoạch. Giá trị sản phẩm thu được trên 01 ha đất nông nghiệp trồng trọt (giá hiện hành) đạt 131 triệu đồng/ha, bằng 100,8% kế hoạch.

Tổng sản lượng lương thực có hạt cả năm đạt 425,75 nghìn tấn, bằng 97,92% kế hoạch. Sản lượng chè búp tươi cả năm 2024 đạt 272,8 nghìn tấn, bằng 101,7% kế hoạch, giá trị từ sản xuất chè đạt 13,8 nghìn tỷ đồng. Giá trị cây chè và sản phẩm trà ngày càng gia tăng, có nhiều sản phẩm thương hiệu mạnh, hiệu quả kinh tế cao, có sức cạnh tranh cao trên thị trường.

Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng năm 2024 đạt 236,4 nghìn tấn, tăng 5,56% so với cùng kỳ và bằng 106,1% kế hoạch. Diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2024 đạt 6.100 ha mặt nước; sản lượng thu hoạch đạt 19.000 tấn thủy sản các loại, bằng 100% kế hoạch.

Năm 2024, toàn tỉnh trồng được 4.371 ha rừng, bằng 128,6% kế hoạch. Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng năm 2024 đạt 292,9 nghìn m³, đạt 102,8% kế hoạch, tăng 7,7% so với cùng kỳ.

Đến hết năm 2024, toàn tỉnh có 03 thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công, thành phố Phổ Yên), 03 huyện đạt chuẩn nông thôn mới (huyện Phú Bình, huyện Đại Từ, huyện Định Hóa); 115/121 xã đạt chuẩn nông thôn mới, bằng 95% tổng số xã; 39 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Hiện nay, huyện Phú Lương đang hoàn thiện hồ sơ trình Trung ương thẩm định, xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024.

Thương mại, dịch vụ, tài chính, ngân hàng

Hoạt động thương mại, dịch vụ duy trì đà phục hồi và tăng trưởng tốt trong năm 2024. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh đạt 78,86 nghìn tỷ đồng, tăng 17,4% so với cùng kỳ, bằng 104,5% kế hoạch. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) duy trì ổn định; kết quả bình quân tăng 3,65% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó có 08/11 nhóm hàng hoá, dịch vụ có chỉ số giá tăng; 03 nhóm có chỉ số giá giảm.

Tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu trên địa bàn tỉnh đạt 27,6 tỷ USD, tăng 7,2% so với cùng kỳ, bằng 94,1% kế hoạch. Trong đó, xuất khẩu địa phương đạt 715,3 triệu USD, giảm 0,5% so với cùng kỳ và bằng 89,4% kế hoạch.

Tổng giá trị nhập khẩu hàng hóa đạt 17,08 tỷ USD, tăng 5,3% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập khẩu đạt 568,5 triệu USD, tăng 11,4% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 16,51 tỷ USD, tăng 5,1% so với cùng kỳ.

Thu ngân sách nhà nước đạt 20.403 tỷ đồng, bằng 126,6% dự toán Trung ương giao; bằng 104,6% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Trong đó: Thu nội địa đạt 17.590 tỷ đồng, bằng 129,2% dự toán Trung ương giao; bằng 103,5% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao; thu xuất nhập khẩu đạt 2.647 tỷ đồng và bằng 105,9% dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao; thu các khoản huy động, đóng góp đạt 166 tỷ đồng.

Chi ngân sách địa phương đạt 16.187 tỷ đồng, bằng 97,8% dự toán Trung ương giao và bằng 79,3% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Trong đó thực hiện chi đầu tư là 4.847 tỷ đồng, đạt 122,6% dự toán Trung ương giao và đạt 69,9% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

Hệ thống các ngân hàng và tổ chức tín dụng trên địa bàn hoạt động ổn định. Đến 31/12/2024, tổng nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn đạt 116.000 tỷ đồng, tăng 8,33% so với cuối năm 2023; dư nợ cho vay đạt 112.000 tỷ đồng, tăng 16,55%; nợ xấu chiếm tỷ trọng 1,77%/tổng dư nợ.

Y tế, giáo dục và đào tạo

Công tác khám chữa bệnh, bảo đảm y tế trên địa bàn tỉnh được thực hiện tốt, chất lượng khám chữa bệnh tại các bệnh viện ngày càng được nâng lên. Dịch bệnh nguy hiểm cơ bản được kiểm soát; các dịch bệnh khác xuất hiện rải rác một số ca mắc nhưng được phát hiện và xử lý kịp thời, không để dịch lan rộng. Công tác tiêm chủng được quan tâm triển khai; tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ đến hết tháng 10/2024 đạt trên 79,5%, cao hơn cùng kỳ năm 2023. Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế được nâng cao; chỉ đạo và thực hiện tốt công tác bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, nhất là tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

Toàn tỉnh có 21 bệnh viện (trong đó gồm Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, Bệnh viện Quân y 91, Bệnh viện Trường Đại học Y dược Thái Nguyên, 08 bệnh viện tuyến tỉnh, 03 bệnh viện tuyến huyện, 07 bệnh viện tư nhân), 09 trung tâm y tế, 172 trạm y tế xã và 635 phòng khám tư nhân; có 2.152 bác sỹ (trong đó gồm 774 bác sỹ thuộc bệnh viện bộ, ngành Trung ương, 1.098 bác sỹ thuộc ngành y tế của tỉnh và 280 bác sỹ thuộc các bệnh viện, phòng khám tư nhân).

Toàn tỉnh đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2023 - 2024 theo đúng khung kế hoạch năm học, với nhiều thành tích nổi bật trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế. Bước vào năm học 2024 - 2025, tỉnh đã ban hành Khung kế hoạch năm học; tổ chức tốt Lễ khai giảng và “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường” năm học 2024 - 2025 tại 100% cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh. Công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia tiếp tục được các địa phương quan tâm chỉ đạo, đầu tư hiệu quả, đạt kết quả tích cực. Hiện nay, toàn tỉnh có 603/676 trường học các cấp đạt trường chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 89,2%.

Về giáo dục đại học: Toàn tỉnh có 02 trường Đại học (Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên và Đại học Thái Nguyên). Riêng Đại học Thái Nguyên hiện nay bao gồm nhiều trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc, mỗi đơn vị chuyên sâu trong các lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu khác nhau. Các trường đại học thành viên của Đại học Thái Nguyên bao gồm Trường Đại học Sư phạm, Trường Đại học Nông Lâm, Trường Đại học Y Dược, Trường

Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông, Trường Đại học Khoa học, Trường Ngoại ngữ, Khoa Quốc tế, Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật.

Ngoài ra, Đại học Thái Nguyên còn có các phân hiệu tại các tỉnh khác, như Phân hiệu tại Hà Giang và Phân hiệu tại Lào Cai, nhằm mở rộng phạm vi đào tạo và phục vụ cộng đồng.

Về giáo dục nghề nghiệp: Hiện nay toàn tỉnh có 12 trường cao đẳng (gồm 10 trường do Trung ương quản lý, 02 trường do địa phương quản lý); 13 trường trung cấp (gồm 01 trường do Trung ương quản lý, 12 trường do địa phương quản lý); 04 cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác (gồm 01 phân hiệu thuộc Trường Cao đẳng nghề than Khoáng sản Việt Nam và 03 cơ sở tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp thuộc địa phương quản lý).

Về giáo dục phổ thông: Toàn tỉnh có 10 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; 32 trường phổ thông trung học; 131 trường trung học cơ sở; 200 trường tiểu học (trong đó gồm 198 trường tiểu học công lập, 02 trường tiểu học ngoài công lập); 244 trường mầm non (trong đó gồm 215 trường mầm non công lập, 29 trường mầm non ngoài công lập).

Văn hoá, thể thao và du lịch

Tỉnh đã chỉ đạo thực hiện hiệu quả công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực: Văn hóa, thể thao, du lịch; tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền, văn hóa, nghệ thuật, kỷ niệm các sự kiện lớn của đất nước, của tỉnh. Thể thao phong trào được triển khai rộng khắp; thể thao thành tích cao đạt nhiều kết quả nổi bật tại các giải thể thao toàn quốc, khu vực, thế giới.

Phát huy tiềm năng phát triển du lịch Thái Nguyên dựa trên các thế mạnh về du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái gắn với lịch sử, văn hóa, tâm linh, tỉnh đã tập trung thu hút các dự án hạ tầng dịch vụ, du lịch vào Khu du lịch Hồ Núi Cốc, khu vực sườn đông Tam Đảo, Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt An toàn khu (ATK) Định Hóa, Khu di tích Lý Nam Đế,... Một số dự án quy mô lớn của tỉnh gồm: khu du lịch nghỉ dưỡng 5 sao Hồ Núi Cốc, sân gôn Glory (thành phố Phổ Yên), sân gôn Tân Thái (huyện Đại Từ)...

Thực hiện chính sách xã hội

Công tác giảm nghèo và chính sách xã hội được cấp ủy, chính quyền các cấp chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả; duy trì các mô hình hỗ trợ hộ nghèo phát triển kinh tế bền vững. Công tác đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo đặc biệt là khu vực nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm.

Công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát được tỉnh chỉ đạo quyết liệt; kịp thời thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã do Bí thư cấp ủy cùng cấp làm Trưởng ban để thống nhất lãnh đạo, chỉ đạo xuyên suốt từ tỉnh đến cơ sở. Công tác huy động nguồn lực được chỉ đạo thực hiện hiệu quả với tổng nguồn lực thực hiện chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát đến nay là gần 200 tỷ đồng.

Công tác dân tộc, tôn giáo

Công tác dân tộc, tôn giáo được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện tốt. Các chính sách dân tộc được các cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm chỉ đạo thực hiện đồng bộ, kịp thời, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số. Tỉnh đã chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số cấp huyện, cấp tỉnh lần thứ IV, năm 2024.

Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo được tăng cường, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân theo quy định. Việc giải quyết các kiến nghị, đề xuất, các vụ việc liên quan đến tôn giáo được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tổ chức thành công Ngày hội Văn hoá, thể thao tôn giáo tỉnh Thái Nguyên lần thứ III, năm 2024.

Công tác quốc phòng, an ninh

Công tác quốc phòng, quân sự địa phương được tăng cường. Lực lượng vũ trang địa phương duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, phối hợp chặt chẽ với các lực lượng tham gia phòng, chống cháy, nổ, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ (nhất là Con bão số 3). Tổ chức thành công Lễ giao, nhận quân năm 2024 ở các địa phương bảo đảm trang trọng, đúng quy định, đủ chỉ tiêu, an toàn. Đã hoàn thành tốt công tác diễn tập khu vực phòng thủ

các huyện Định Hóa, Võ Nhai, Đồng Hỷ bảo đảm đúng kế hoạch, an toàn tuyệt đối. Công tác tập huấn, huấn luyện, giáo dục quốc phòng và an ninh ở các cấp được tổ chức theo đúng kế hoạch. Trong năm đã hoàn thành, đưa vào sử dụng 11 trụ sở ban chỉ huy quân sự cấp xã.

An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh được giữ vững ổn định. Lực lượng công an tập trung thực hiện các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông, nhất là trong các dịp Lễ, Tết. Lực lượng chức năng làm tốt công tác nắm bắt tình hình và triển khai các biện pháp công tác để chủ động có phương án ứng phó, giải quyết kịp thời các vấn đề liên quan đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, không để xảy ra các tình huống phức tạp, “điểm nóng” về an ninh, trật tự; bảo vệ an toàn tuyệt đối các mục tiêu, các sự kiện quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội diễn ra trên địa bàn. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện và hoàn thiện 06 dự án, đề xuất chủ trương đầu tư 05 dự án, đề án về xây dựng trụ sở làm việc, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho lực lượng Công an các cấp.

Lực lượng chức năng đã kiểm chế gia tăng tội phạm về trật tự xã hội (giảm 7,7% so với cùng kỳ năm 2023), điều tra khám phá 834/977 vụ, đạt tỷ lệ 85,3% (trong đó khám phá 86/90 vụ án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, đạt tỷ lệ 96,6%); 100% tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố được tiếp nhận, thụ lý theo quy định.

đ) Các chính sách đặc thù hiện hưởng

Tỉnh Thái Nguyên là tỉnh miền núi theo Quyết định số 68/UBQĐ ngày 09/8/1997 của Bộ trưởng - Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi về công nhận các xã, huyện, tỉnh là miền núi, vùng cao. Do vậy, tỉnh Thái Nguyên đang được hưởng các chính sách đặc thù đối với tỉnh miền núi.

e) Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị tại địa bàn

Về tổ chức bộ máy:

Khối đảng, đoàn thể

*** Tỉnh ủy**

- Cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy: 05 cơ quan.
- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể: 06 cơ quan.
- Các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy: 13 đảng bộ.
- Đơn vị sự nghiệp: 02 đơn vị.

*** Các Huyện ủy, Thành ủy**

- Cơ quan tham mưu giúp việc Huyện ủy, Thành ủy: 36 cơ quan (mỗi Huyện ủy, Thành ủy có 04 cơ quan).
- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể: 54 cơ quan (mỗi Huyện ủy, Thành ủy có 06 cơ quan).
- Đơn vị sự nghiệp: 09 đơn vị (mỗi Huyện ủy, Thành ủy có 01 đơn vị).
- Các đảng bộ trực thuộc Huyện ủy, Thành ủy: 256 đảng bộ.

*** Cấp xã: 172 đảng bộ, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cấp xã.**

Khối chính quyền

*** Khối Hội đồng nhân dân**

- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên: 07 người, trong đó có 01 Phó Trưởng đoàn phụ trách và 06 đại biểu Quốc hội.
- Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên
 - + Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: 63 đại biểu.
 - + Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh: 07 người; trong đó có Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 04 ủy viên.
 - + Các ban Hội đồng nhân dân tỉnh: 04 ban (Ban Kinh tế - Ngân sách; Ban Văn hóa - Xã hội; Ban Pháp chế; Ban Dân tộc).
 - + Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.
- Hội đồng nhân dân cấp huyện
 - + Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện: 283 đại biểu/9 huyện, thành phố.

+ Các ban Hội đồng nhân dân cấp huyện: Hội đồng nhân dân huyện, thành phố có 02 ban (Ban Pháp chế; Ban Kinh tế - Xã hội).

- Hội đồng nhân dân cấp xã: 172 Hội đồng nhân dân cấp xã.

* Khối Ủy ban nhân dân

- Ủy ban nhân dân tỉnh

+ Cơ quan hành chính thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh: 14 cơ quan (13 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và 01 cơ quan hành chính khác là Ban Quản lý các khu công nghiệp Thái Nguyên).

+ Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh: 06 đơn vị.

+ Các tổ chức hội cấp tỉnh: 76 hội. Trong đó có 06 hội được giao biên chế.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện:

+ 09 đơn vị hành chính cấp huyện (06 huyện và 03 thành phố).

+ Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: 87 cơ quan (mỗi huyện có 10 phòng chuyên môn; mỗi thành phố có 09 phòng chuyên môn).

+ Các tổ chức hội cấp huyện: 140 hội. Trong đó 08 hội được giao biên chế (06 Hội Chữ Thập đỏ của 06 huyện và Hội Chữ thập đỏ thành phố Thái Nguyên, Hội Chữ thập đỏ thành phố Phổ Yên).

+ Đơn vị sự nghiệp: 657 đơn vị.

- Ủy ban nhân dân cấp xã: có 172 xã, phường, thị trấn.

Biên chế cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị tại địa bàn

* Tổng số cán bộ, công chức, viên chức được giao: 32.524 biên chế, trong đó:

Cấp tỉnh: 8.734 biên chế, trong đó:

- Cán bộ: 54 biên chế.

- Công chức: 1.466 biên chế.

- Viên chức: 7.214 biên chế.

Cấp huyện: 19.994 biên chế, trong đó:

- Cán bộ: 246 biên chế.
- Công chức: 955 biên chế.
- Viên chức: 18.793 biên chế.

Cấp xã: 3.796 người.

- Cán bộ: 1.892 người.
- Công chức: 1.904 người.

* Tổng số cán bộ, công chức, viên chức hiện có: 30.204 người, trong đó:

Cấp tỉnh: 7.915 người, trong đó:

- Cán bộ: 41 người.
- Công chức: 1.361 người.
- Viên chức: 6.513 người.

Cấp huyện: 18.933 người, trong đó:

- Cán bộ: 227 người.
- Công chức: 850 người.
- Viên chức: 17.856 người.

Cấp xã: 3.357 người.

- Cán bộ: 1.795 người.
- Công chức: 1.562 người.

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

TỈNH BẮC KẠN VÀ TỈNH THÁI NGUYÊN

I. PHƯƠNG ÁN VÀ KẾT QUẢ SẮP XẾP TỈNH BẮC KẠN VÀ TỈNH THÁI NGUYÊN

1. Phương án

a) Phương án sắp xếp

Thành lập tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở sắp xếp toàn bộ địa giới hành chính gồm 4.853,25 km² diện tích tự nhiên, dân số 365.318 người của tỉnh Bắc Kạn và toàn bộ địa giới hành chính gồm 3.521,96 km² diện tích tự nhiên, dân số 1.434.171 người của tỉnh Thái Nguyên⁴.

b) Cơ sở và lý do đề xuất phương án, lựa chọn tên gọi và trung tâm hành chính - chính trị của đơn vị hành chính cấp tỉnh sau sắp xếp

Cơ sở và lý do đề xuất phương án

Đảm bảo cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý và sự cần thiết sắp xếp tỉnh Bắc
Kạn và tỉnh Thái Nguyên nêu tại mục I, mục II Phần I Đề án này.

Việc thực hiện nhập nguyên trạng địa giới hành chính gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của hai tỉnh nhằm đảm bảo thuận lợi trong việc quản lý địa giới hành chính và kinh tế - xã hội hiện có của hai tỉnh, tránh xáo trộn về đường địa giới hành chính cấp tỉnh cũng như công tác quản lý kinh tế - xã hội.

Cơ sở và lý do lựa chọn tên gọi là tỉnh Thái Nguyên sau sắp xếp

Thứ nhất, kế thừa lịch sử, truyền thống lâu đời, tránh xáo trộn nhận diện hành chính: Tên gọi Thái Nguyên đã có từ năm 1831, khi tỉnh này được thành lập dưới triều Nguyễn. Trong quá khứ, Bắc Kạn cũng từng thuộc tỉnh Thái Nguyên, đến năm 1900 mới tách riêng. Giai đoạn 1965 - 1997 hai tỉnh hợp nhất thành tỉnh Bắc Thái, nhưng sau đó tách ra để đáp ứng yêu cầu quản lý, phát triển. Tuy nhiên, trong suốt quá trình lịch sử, Thái Nguyên luôn đóng vai trò là trung tâm lớn nhất của vùng, có bề dày truyền thống văn hóa - chính trị. Do đó, giữ tên gọi Thái Nguyên cho tỉnh mới sắp xếp giúp duy trì tính kế thừa lịch sử, truyền thống, tránh thay đổi nhận diện hành chính.

Thứ hai, là thương hiệu mạnh, dễ nhận diện giúp tỉnh mới dễ dàng thu hút đầu tư: Thái Nguyên là thương hiệu kinh tế - công nghiệp, nông nghiệp nổi tiếng với các sản phẩm như chè Thái Nguyên - đặc sản được công nhận với danh xưng

⁴ Diện tích tự nhiên được xác định theo số liệu thống kê đất đai được công bố, có xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp và môi trường cấp tỉnh; quy mô dân số gồm dân số thường trú và tạm trú do cơ quan Công an có thẩm quyền cung cấp, xác nhận.

là “Đệ nhất danh trà” Việt Nam. Ngoài ra, Thái Nguyên còn được biết đến là thủ phủ công nghiệp điện tử với Tập đoàn Samsung, thương hiệu doanh nghiệp của Công ty: Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên (SEVT) đã gắn liền với địa danh Thái Nguyên từ khi Công ty thành lập (năm 2013) và được biết đến rộng rãi trên thị trường quốc tế cũng như chuỗi cung ứng toàn cầu. Việc thay đổi tên địa phương có thể khiến thương hiệu mất đi tính nhận diện vốn đã được xây dựng trong hơn một thập kỷ qua.

Thứ ba, tên Thái Nguyên đã quen thuộc với người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước. Nếu chọn tên mới hoặc tên ghép (ví dụ: Bắc Thái), sẽ gây nhầm lẫn, khó nhận diện và có trên 10.500 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh sẽ phải điều chỉnh một số giấy tờ pháp lý như: Giấy phép đăng ký kinh doanh, con dấu công ty, địa chỉ trên các hợp đồng kinh tế với các đối tác, tờ khai hải quan, hồ sơ thuế, chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) và nhiều thủ tục khác. Những thay đổi này ngoài việc gây tốn kém chi phí còn ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp. Trong khi đó, giữ nguyên tên Thái Nguyên giúp tỉnh mới nhanh chóng ổn định, không mất công quảng bá lại, đảm bảo sự nhất quán về địa danh, hành chính.

Thứ tư, tiềm lực kinh tế mạnh, đóng vai trò động lực phát triển: Thái Nguyên có quy mô kinh tế GRDP năm 2024 đạt trên 165 nghìn tỷ đồng ($\approx 6,534$ tỷ USD), đứng thứ 02/14 tỉnh trung du và miền núi phía bắc; thu ngân sách đạt trên 20.400 tỷ đồng, nằm trong top 20 của cả nước. Đặc biệt, Thái Nguyên là trung tâm công nghiệp lớn, với các khu công nghiệp lớn như: Khu công nghiệp Yên Bình, Diềm Thụy, Sông Công I, Sông Công II,... thu hút trên 220 dự án FDI còn hiệu lực với tổng số vốn đăng ký đạt gần 12 tỷ USD tạo việc làm cho hàng trăm nghìn lao động và nguồn thu ngân sách ổn định sẽ đóng vai trò là đầu tàu, động lực tăng trưởng, phát triển của tỉnh mới.

Thứ năm, đảm bảo sự đồng thuận trong dân cư: Dân số tỉnh Thái Nguyên hiện tại chiếm gần 80% dân số dự kiến của tỉnh mới sau khi sắp xếp, tên gọi Thái Nguyên vẫn quen thuộc với cả hai bên, giúp tạo sự đồng thuận cao.

Thứ sáu, bảo đảm nguyên tắc sử dụng một trong các tên đã có, dễ nhận diện, ngắn gọn, dễ đọc, dễ nhớ,...: Việc chọn tên tỉnh mới là Thái Nguyên

(một trong hai tên sẵn có trước sắp xếp) giúp (1) giảm thiểu xáo trộn giấy tờ, tiết kiệm ngân sách, nhân lực, thời gian sau sắp xếp, qua đó bảo đảm nguyên tắc hạn chế tối đa tác động ảnh hưởng tới người dân, doanh nghiệp do phải chuyển đổi giấy tờ, chỉ dẫn địa lý; (2) đồng thời bảo đảm nguyên tắc dễ nhận diện, ngắn gọn, dễ đọc, dễ nhớ và phát huy được lợi thế so sánh của tỉnh mới với thương hiệu nhận diện là Thái Nguyên, phù hợp với xu thế hội nhập của đất nước trong kỷ nguyên mới.

Cơ sở và lý do lựa chọn trung tâm hành chính - chính trị tại tỉnh Thái Nguyên sau sắp xếp

Thứ nhất, kế thừa yếu tố lịch sử, truyền thống: Tỉnh Bắc Thái cũ (bao gồm tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Bắc Kạn hiện nay) trong suốt thời gian tồn tại từ năm 1965 đến năm 1997 đều đặt trung tâm chính trị - hành chính tại thành phố Thái Nguyên. Như vậy, khi sắp xếp tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên, tiếp tục đặt trung tâm hành chính - chính trị của tỉnh mới ở thành phố Thái Nguyên là việc làm kế thừa hợp lý yếu tố lịch sử và truyền thống, dễ tạo sự đồng thuận cao trong Nhân dân và cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức.

Thứ hai, Thái Nguyên là một trong các trung tâm kinh tế, chính trị; cực tăng trưởng của vùng Trung du và miền núi phía Bắc (Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định Thái Nguyên là cực tăng trưởng, là trung tâm kinh tế, là trung tâm phát triển của khu vực Trung du và miền núi phía Bắc). Các bộ, ngành Trung ương khi lựa chọn địa điểm để đặt trụ sở trung tâm vùng đã lựa chọn Thái Nguyên: Bộ Quốc phòng đã lựa chọn Thái Nguyên là địa điểm đặt trụ sở Bộ Tư lệnh Quân khu 1; Bộ Giáo dục và Đào tạo đã lựa chọn Thái Nguyên là trung tâm giáo dục và đào tạo trọng điểm quốc gia; Bộ Y tế đã lựa chọn Thái Nguyên là địa điểm đặt Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên là một trong 06 bệnh viện hạng đặc biệt của cả nước; Bộ Tài chính đã lựa chọn Thái Nguyên là địa điểm đặt trụ sở chính Chi cục Thuế khu vực VII, Kho bạc nhà nước khu vực VII; Bảo hiểm xã hội khu vực X; Kiểm toán Nhà nước đã lựa chọn Thái Nguyên là địa điểm đặt Trụ sở Kiểm toán Nhà nước Khu vực X;

Ngân hàng Nhà nước đã lựa chọn Thái Nguyên là địa điểm đặt trụ sở chính Chi nhánh Ngân hàng nhà nước khu vực 5; Bộ Khoa học và Công nghệ đã lựa chọn Thái Nguyên là một trong những trung tâm dữ liệu vùng; Bộ Công an đã lựa chọn Thái Nguyên là một trong những tỉnh thí điểm triển khai Đề án 06, thí điểm triển khai Sàn giao dịch dữ liệu và các nội dung số quan trọng khác theo Chiến lược Dữ liệu quốc gia và Luật Dữ liệu năm 2024.

Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên có truyền thống lịch sử, chi bộ đảng đầu tiên được thành lập năm 1936 tại xóm Lau Sau, xã La Bằng, huyện Đại Từ với 04 đảng viên. Đến nay, Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên đã có số lượng đảng viên đứng thứ 13 cả nước với trên 101 nghìn đảng viên sinh hoạt tại 621 tổ chức cơ sở đảng thuộc 13 đảng bộ trực thuộc.

Thứ ba, Thái Nguyên có vị trí địa lý trung tâm, thuận lợi trong việc kết nối giao thông và liên kết vùng: Thành phố Thái Nguyên có vị trí trung tâm trong vùng trung du và miền núi phía Bắc, là cửa ngõ kết nối miền núi phía Bắc với đồng bằng Bắc Bộ, cách Thủ đô Hà Nội khoảng 75 km và có hạ tầng giao thông phát triển với tuyến cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, tuyến cao tốc Thái Nguyên - Chợ Mới (Bắc Kạn) và cao tốc nối tiếp Chợ Mới - thành phố Bắc Kạn sẽ hoàn thành giai đoạn 2025 - 2030. Theo đó, việc kết nối giữa thành phố Thái Nguyên, thành phố Bắc Kạn và các địa bàn trong tỉnh sẽ thuận lợi hơn, giúp toàn tỉnh mới có sự kết nối thông suốt.

Theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Đường vành đai 5 - vùng Thủ đô Hà Nội đi qua 08 tỉnh, thành phố trong đó, đoạn đi qua tỉnh Thái Nguyên dài khoảng 47 km đã hoàn thành. Dự án xây dựng tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc có tổng chiều dài toàn tuyến 42,55 km sẽ hoàn thành trong quý II năm 2025.

Ngoài ra, Thái Nguyên nằm tiếp giáp các tỉnh Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn với nhiều tuyến đường giao thông thuận lợi như: Quốc lộ 3, Quốc lộ 3B, Quốc lộ 279, có tuyến đường sắt Hà Nội -

Thái Nguyên và cách sân bay quốc tế Nội Bài (Hà Nội) chưa tới 60 km nên dễ dàng kết nối chuỗi cung ứng và thúc đẩy phát triển kinh tế vùng.

Thứ tư, Thái Nguyên đáp ứng các điều kiện, cơ sở vật chất và hạ tầng đô thị: Thành phố Thái Nguyên là đô thị loại I được định hướng phát triển theo mô hình đô thị thông minh, bền vững với cơ sở hạ tầng hiện có cơ bản đã bảo đảm các điều kiện để bố trí trụ sở của các cơ quan của Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức khác của tỉnh mới. Ngoài ra, thành phố Thái Nguyên là trung tâm giáo dục lớn của cả nước, với hệ thống Đại học Thái Nguyên là đại học vùng lớn thứ ba cả nước. Trên địa bàn tỉnh có Đại học Thái Nguyên hiện bao gồm nhiều trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc, mỗi đơn vị chuyên sâu trong các lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu khác nhau và Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên, 12 trường cao đẳng, 13 trường trung cấp chuyên nghiệp, 04 cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác và 30 trung tâm dạy nghề đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao cho bộ máy hành chính và nhu cầu phát triển của tỉnh mới. Hệ thống y tế cũng vượt trội với 21 bệnh viện gồm Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên (bệnh viện hạng đặc biệt), Bệnh viện Quân y 91, Bệnh viện Trường Đại học Y dược Thái Nguyên, 08 bệnh viện tuyến tỉnh, 03 bệnh viện tuyến huyện, 07 bệnh viện tư nhân đáp ứng tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho toàn vùng. Việc bố trí trung tâm hành chính - chính trị của tỉnh mới tại thành phố Thái Nguyên và sử dụng cơ sở hạ tầng hiện có góp phần tiết kiệm tối đa ngân sách nhà nước và các nguồn lực để tập trung cho đầu tư phát triển tỉnh mới trong tương lai.

Thứ năm, đáp ứng các điều kiện về quy hoạch và mở rộng không gian phát triển đô thị trong tương lai: Trong Quy hoạch vùng trung du và miền núi Bắc Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 đã xác định thành phố Thái Nguyên là: (1) Một trong ba đô thị trung tâm vùng, bên cạnh thành phố Việt Trì (Phú Thọ) và thành phố Bắc Giang; (2) là trung tâm vùng về công nghiệp công nghệ cao, giáo dục - đào tạo, y tế và đổi mới sáng tạo; (3) là trung tâm vùng động lực phía Đông Bắc, giữ vai trò kết nối hành lang kinh tế Hà Nội - Thái Nguyên - Cao Bằng và hành lang công nghiệp Thái Nguyên - Bắc Giang - Quảng Ninh; (4) là đầu mối logistics quan trọng, kết nối vùng với cảng biển

Hải Phòng, cảng cạn ICD, sân bay Nội Bài, đặc biệt thông qua tuyến cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, Quốc lộ 3 và Quốc lộ 37. Ngoài ra, quỹ đất đô thị tại thành phố Thái Nguyên còn tương đối rộng để mở rộng không gian phát triển đô thị, hình thành trung tâm chính trị - hành chính đồng bộ, hiện đại, bảo đảm xứng tầm quy mô cho tỉnh mới.

Với các nội dung nêu trên, việc lựa chọn tên gọi và trung tâm hành chính - chính trị của tỉnh Thái Nguyên sau sắp xếp là hoàn toàn phù hợp, tối ưu về kết nối hạ tầng, đáp ứng yêu cầu vận hành ngay sau sắp xếp. Đồng thời, không làm suy giảm vị thế, chức năng, vai trò và điều kiện phát triển của vùng

Bắc Kạn sau sắp xếp và vẫn đảm bảo phát huy bản sắc riêng của từng địa phương trong tỉnh mới.

2. Kết quả

- Đơn vị hành chính tỉnh Thái Nguyên sau sắp xếp có diện tích tự nhiên là 8.375,21 km² (đạt 104,69% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số 1.799.489 người (đạt 199,94% so với tiêu chuẩn) và ... đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc (gồm ... phường và ... xã)⁵.

- Nơi đặt trung tâm hành chính - chính trị của tỉnh Thái Nguyên sau khi sắp xếp: Tại tỉnh Thái Nguyên hiện nay.

II. GIẢI TRÌNH TRƯỜNG HỢP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP KHÔNG ĐẠT TIÊU CHUẨN DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN, QUY MÔ DÂN SỐ THEO QUY ĐỊNH (Không có)

Phần IV

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP TỈNH BẮC KẠN VÀ TỈNH THÁI NGUYÊN

1. Tác động tích cực

⁵ Chưa có số liệu chính thức.

a) Tác động đến quản lý nhà nước

Sắp xếp tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên giúp nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước thông qua tinh gọn bộ máy, tối ưu nguồn lực và thúc đẩy phát triển bền vững; giúp tinh gọn bộ máy hành chính, giảm chi phí vận hành, giảm số lượng cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức trùng lặp (như sở, ngành, chi cục, phòng, các đơn vị sự nghiệp ở tỉnh); giúp tiết kiệm ngân sách nhà nước, tăng hiệu quả quản lý do tập trung nguồn lực vào một địa bàn thống nhất.

Việc sắp xếp tạo ra một thực thể kinh tế lớn hơn, cho phép tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn lực từ lao động, đất đai đến cơ sở hạ tầng; tạo sự tập trung nguồn lực vào một hệ thống quản lý thống nhất, giảm tình trạng chồng chéo thẩm quyền; việc phân bổ ngân sách hợp lý hơn, tránh tình trạng đầu tư dàn trải hoặc trùng lặp giữa hai tỉnh trước khi sắp xếp; tăng cường phối hợp liên ngành (giao thông, quy hoạch, môi trường) trên địa bàn rộng hơn; tối ưu hóa quy hoạch và phân bổ nguồn lực, xóa bỏ ranh giới hành chính giúp quy hoạch tổng thể về hạ tầng, kinh tế, xã hội hiệu quả hơn (ví dụ: phát triển giao thông liên vùng, khu công nghiệp, du lịch).

Nâng cao chất lượng dịch vụ công: Hệ thống y tế, giáo dục có thể được chuẩn hóa và nâng cấp đồng bộ (ví dụ: bệnh viện tuyến tỉnh, trường đại học); dịch vụ hành chính công (cấp phép, giải quyết thủ tục) được số hóa và tập trung, giảm thời gian chờ đợi cho người dân.

Tăng cường an ninh, quản lý tài nguyên: Quản lý thống nhất tài nguyên rừng, khoáng sản, đất đai, tránh tình trạng khai thác trái phép hoặc tranh chấp liên tỉnh; công tác phòng, chống thiên tai, dịch bệnh được phối hợp nhanh chóng hơn nhờ hệ thống điều hành tập trung.

b) Tác động đến phát triển kinh tế - xã hội

Mở rộng không gian phát triển, tạo ra một không gian phát triển lớn hơn, cho phép Bắc Kạn và Thái Nguyên cùng khai thác các tiềm năng riêng có của từng địa phương. Thái Nguyên có thế mạnh về công nghiệp, dịch vụ, đào tạo, y tế trong khi Bắc Kạn có tiềm năng về du lịch sinh thái, nông nghiệp, lâm nghiệp.

Việc kết hợp các thể mạnh này sẽ tạo ra sự cộng hưởng, thúc đẩy phát triển toàn diện.

Mở rộng không gian sẽ giúp địa phương chủ động hơn trong việc thu hút đầu tư, phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn và đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ.

Việc sắp xếp sẽ giúp tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn lực, từ lao động, đất đai đến cơ sở hạ tầng. Các nguồn lực này có thể được phân bổ hiệu quả hơn, tránh lãng phí và chồng chéo.

Việc liên kết vùng sẽ được tăng cường, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển các chuỗi giá trị, kết nối thị trường và thu hút đầu tư. Các địa phương có thể cùng nhau giải quyết các vấn đề chung, như phát triển hạ tầng giao thông, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

c) Tác động đến đời sống Nhân dân và môi trường

Việc sắp xếp tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên mang lại nhiều tác động tích cực đến đời sống Nhân dân và môi trường.

Sắp xếp giúp củng cố và tối ưu hóa các dịch vụ công, bao gồm y tế, giáo dục và phúc lợi xã hội. Điều này giúp nâng cao chất lượng dịch vụ và làm cho người dân dễ tiếp cận hơn. Các chương trình phát triển xã hội, như chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ giáo dục và an sinh xã hội có thể được triển khai đồng bộ hơn, từ đó nâng cao đời sống tinh thần và vật chất của người dân.

Hạ tầng giao thông, năng lượng và công nghệ thông tin có thể được cải thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc di chuyển, giao thương và phát triển kinh tế. Điều này giúp người dân tiết kiệm thời gian và giảm chi phí đi lại. Sự kết nối tốt hơn giữa các khu vực cũng giúp tăng cường hợp tác giữa các địa phương, tạo ra cơ hội việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.

Việc sắp xếp có thể tạo ra sự nhất quán trong chính sách về bảo vệ môi trường, từ đó làm tăng hiệu quả trong công tác bảo vệ và phát triển tài nguyên thiên nhiên. Các chương trình bảo vệ môi trường có thể được triển khai đồng bộ và hiệu quả hơn. Việc phát triển bền vững có thể được chú trọng hơn, đảm bảo

rằng các hoạt động kinh tế không gây hại đến môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

Sắp xếp có thể mở ra cơ hội phát triển các ngành mới, như du lịch sinh thái, nông nghiệp sạch và công nghệ cao. Những lĩnh vực này không chỉ tạo ra việc làm mà còn góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Điều này cũng tạo điều kiện cho việc thu hút đầu tư vào các dự án phát triển hạ tầng, dịch vụ và công nghiệp, từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và cải thiện điều kiện sống cho cộng đồng.

Sự kết hợp giữa Bắc Kạn và Thái Nguyên sẽ góp phần nâng cao đời sống Nhân dân và tạo ra một môi trường sống và làm việc tốt đẹp hơn.

d) Tác động đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội

Việc sắp xếp tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên đem lại nhiều tác động tích cực đến quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội.

Sắp xếp sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc tăng cường phối hợp giữa các lực lượng chức năng của hai tỉnh trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự. Các cơ quan chức năng có thể chia sẻ thông tin và kinh nghiệm, từ đó nâng cao hiệu quả trong công tác phòng ngừa tội phạm và xử lý các vấn đề an ninh xã hội.

Việc thống nhất giữa các lực lượng an ninh của hai tỉnh sẽ giúp phát hiện sớm và xử lý kịp thời các hoạt động nghi vấn, tiềm ẩn yếu tố phức tạp, từ đó bảo vệ an toàn cho các hoạt động của xã hội, tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Chất lượng và cơ cấu tổ chức của lực lượng vũ trang địa phương sẽ được cải thiện và nâng cao. Việc chuẩn hóa và tối ưu hóa các đơn vị quân đội và công an sẽ giúp tăng cường khả năng ứng phó với các tình huống khẩn cấp và bảo vệ an ninh quốc gia .

Sắp xếp có thể sẽ tạo ra môi trường sống ổn định hơn, khi các chính sách về trật tự, an toàn xã hội được áp dụng thống nhất hơn trên toàn địa bàn. Các biện pháp quản lý trật tự, an toàn giao thông và phòng chống tội phạm sẽ dễ dàng hơn khi có sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan.

2. Tác động tiêu cực và giải pháp

a) Tác động đến quản lý nhà nước

Việc sắp xếp tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên có thể gây ra một số khó khăn trong việc quản lý địa bàn rộng lớn, trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự và quản lý dân cư. Hơn nữa tỉnh Bắc Kạn có địa hình phức tạp, dân cư thưa, phân tán, khoảng cách địa lý xa có thể gây ra một số khó khăn cho việc điều hành thống nhất.

Việc sắp xếp đòi hỏi phải tái cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước, hợp nhất các cơ quan có chức năng tương đồng và sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Quá trình này có thể dẫn đến tình trạng dư thừa ở một số vị trí, gây khó khăn trong công tác quản lý nhân sự. Việc thay đổi cơ cấu tổ chức cũng đặt ra yêu cầu cao hơn về năng lực quản lý và trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Để giảm thiểu các tác động tiêu cực, cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, đánh giá toàn diện các tác động và xây dựng lộ trình thực hiện phù hợp, cũng như đảm bảo sự ổn định về tổ chức, nhân sự.

b) Tác động đến phát triển kinh tế - xã hội

Bên cạnh tác động tích cực, việc sắp xếp tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên cũng có thể gây ra một số tác động không mong muốn đến phát triển kinh tế - xã hội.

Quá trình chuyển đổi và thích ứng với đơn vị hành chính sau sắp xếp có thể gây ra xáo trộn trong hoạt động kinh tế - xã hội trong thời gian nhất định. Các doanh nghiệp, người dân có thể gặp khó khăn trong việc thay đổi thủ tục hành chính, thích nghi với các quy định mới và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh. Sự thay đổi về bộ máy quản lý, quy hoạch và chính sách có thể gây ra những bất ổn nhất định, ảnh hưởng đến tâm lý đầu tư và tiêu dùng. Việc sắp xếp có thể làm thay đổi thị trường, tạo ra cạnh tranh mạnh mẽ hơn giữa các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Để giảm thiểu các tác động tiêu cực, cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, xây dựng lộ trình hợp lý và thực hiện các giải pháp đồng bộ, bao gồm: Cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân; xây dựng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và người dân thích ứng với các thay

đổi; phân bổ nguồn lực một cách hợp lý, công bằng và hiệu quả, đảm bảo sự phát triển cân đối giữa các địa phương; tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; tăng cường đối thoại và tham vấn, đảm bảo sự đồng thuận của người dân.

c) Tác động đến đời sống Nhân dân và môi trường

Bắc Kạn là tỉnh còn khó khăn về kinh tế - xã hội, nếu sắp xếp, tỉnh Thái Nguyên sẽ bố trí nguồn lực lớn về đầu tư hạ tầng và an sinh xã hội. Sự gia tăng dân số ở đô thị trung tâm tỉnh mới do sắp xếp có thể dẫn đến áp lực lên hạ tầng cơ sở, bao gồm giao thông, cấp nước và xử lý chất thải. Các dịch vụ công như y tế, giáo dục có thể bị quá tải. Khả năng cung cấp dịch vụ cho một số lượng lớn dân cư có thể vượt quá năng lực hiện có, dẫn đến sự giảm sút chất lượng dịch vụ. Nếu không được cải thiện kịp thời, điều này có thể làm giảm chất lượng cuộc sống của người dân.

Người dân có thể gặp khó khăn trong việc thích ứng với các quy định và chính sách mới. Sự chênh lệch về phát triển giữa các khu vực có thể gia tăng, tạo ra tình trạng phân cực trong xã hội, nơi một số khu vực phát triển nhanh trong khi các khu vực khác chỉ nhận được sự chú ý hạn chế.

Để giảm thiểu các tác động tiêu cực đến đời sống Nhân dân và môi trường, cần có các chính sách và giải pháp điều chỉnh hợp lý và toàn diện để đảm bảo phát triển bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống cho tất cả người dân trong khu vực.

d) Tác động đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội

Việc sắp xếp tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên có thể gây ra một số tác động nhất định đến quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội: Sắp xếp có thể dẫn đến sự gia tăng dân số và các hoạt động kinh tế, xã hội, đặc biệt ở thành phố lớn như thành phố Thái Nguyên, làm tăng áp lực lên công tác bảo đảm an ninh, trật tự. Các loại tội phạm và vi phạm pháp luật có thể gia tăng. Sự thay đổi trong cơ cấu tổ chức và quản lý có thể gây ra sự gián đoạn trong công tác an ninh trong thời gian mới sắp xếp. Quá trình sắp xếp có thể làm nảy sinh các vấn đề về quản lý dân cư, đất đai và tài sản, gây khó khăn cho trật tự, an toàn xã hội.

Việc tái cơ cấu lực lượng vũ trang và hệ thống quốc phòng địa phương có thể làm giảm khả năng ứng phó nhanh với các tình huống khẩn cấp nếu không được thực hiện một cách khẩn trương và thận trọng. Việc thu thập, xử lý và phân tích thông tin liên quan đến an ninh, trật tự có thể trở nên phức tạp hơn do sự thay đổi về quy mô và cơ cấu tổ chức.

Để giảm thiểu các tác động tiêu cực, cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, các biện pháp phòng ngừa và ứng phó thích hợp và sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng chức năng.

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP TỈNH BẮC KẠN VÀ TỈNH THÁI NGUYÊN

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp đơn vị hành chính

a) Khối đảng, đoàn thể

- Cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy: Thực hiện nhập nguyên trạng các cơ quan tham mưu giúp việc có cùng chức năng, nhiệm vụ của Tỉnh ủy Bắc Kạn và các cơ quan tham mưu giúp việc của Tỉnh ủy Thái Nguyên. Sau sắp xếp, có 05 cơ quan, cụ thể như sau:

(1) Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên: Trên cơ sở nhập nguyên trạng Văn phòng Tỉnh ủy Bắc Kạn và Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên.

(2) Ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên: Trên cơ sở nhập nguyên trạng Ban Tổ chức Tỉnh ủy Bắc Kạn và Ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên.

(3) Ban Nội chính Tỉnh ủy Thái Nguyên: Trên cơ sở nhập nguyên trạng Ban Nội chính Tỉnh ủy Bắc Kạn và Ban Nội chính Tỉnh ủy Thái Nguyên.

(4) Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Thái Nguyên: Trên cơ sở nhập nguyên trạng Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Bắc Kạn và Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Thái Nguyên.

(5) Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Thái Nguyên: Trên cơ sở nhập nguyên trạng Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Bắc Kạn và Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Thái Nguyên.

- Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh: Thực hiện nhập nguyên trạng Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh Bắc Kạn và Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh Thái Nguyên. Tên cơ quan sau sáp nhập: Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh Thái Nguyên.

- Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh: Thực hiện nhập nguyên trạng Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn và Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Tên cơ quan sau sáp nhập: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và hội đặc thù: Sáp nhập Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và hội đặc thù của tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên thành Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở kiện toàn tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và hội đặc thù của tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên theo Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương.

- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy:

+ Tổ chức lại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên, trên cơ sở nhập nguyên trạng Trường Chính trị tỉnh Bắc Kạn và Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên. Tên gọi sau hợp nhất: Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên.

+ Thực hiện sáp nhập Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Bắc Kạn, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Thái Nguyên, Báo Bắc Kạn, Báo Thái Nguyên ... thành một cơ quan báo chí trực thuộc Tỉnh ủy Thái Nguyên (sau sáp nhập)⁶.

b) Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh

- Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh: Thực hiện sáp nhập Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Kạn và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Trung ương. Tên gọi sau sáp nhập: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên.

- Hội đồng nhân dân tỉnh:

⁶ Thực hiện theo Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025.

+ Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: Sáp nhập Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn và Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân của 02 tỉnh trước khi sáp nhập theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025.

+ Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh: Sáp nhập nguyên trạng Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

+ Các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh: 04 ban.

(1) Ban Kinh tế - Ngân sách: Trên cơ sở nhập nguyên trạng Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn và Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

(2) Ban Văn hóa - Xã hội: Trên cơ sở nhập nguyên trạng Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn và Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

(3) Ban Pháp chế: Trên cơ sở nhập nguyên trạng Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn và Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

(4) Ban Dân tộc: Trên cơ sở nhập nguyên trạng Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn và Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

+ Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Trên cơ sở nhập nguyên trạng Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn và Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh

- Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh: Thực hiện nhập nguyên trạng các cơ quan chuyên môn cùng chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn và cơ quan chuyên môn tương ứng của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên (sau sáp nhập) có 13 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

(1) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Trên cơ sở nhập nguyên trạng Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

(2) Thanh tra tỉnh Thái Nguyên: Trên cơ sở nhập nguyên trạng Thanh tra tỉnh Bắc Kạn và Thanh tra tỉnh Thái Nguyên.

(3) Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên: Trên cơ sở nhập nguyên trạng Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn và Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên.

(4) Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên: Trên cơ sở nhập nguyên trạng Sở Xây dựng tỉnh Bắc Kạn và Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên.

(5) Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên: Trên cơ sở nhập nguyên trạng Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Kạn và Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên.

(6) Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên: Trên cơ sở nhập nguyên trạng Sở Công Thương tỉnh Bắc Kạn và Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên.

(7) Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên: Trên cơ sở nhập nguyên trạng Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Kạn và Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên.

(8) Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên: Trên cơ sở nhập nguyên trạng Sở Nội vụ tỉnh Bắc Kạn và Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên.

(9) Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên: Trên cơ sở nhập nguyên trạng Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn và Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.

(10) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên: Trên cơ sở nhập nguyên trạng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Kạn và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên.

(11) Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên: Trên cơ sở nhập nguyên trạng Sở Y tế tỉnh Bắc Kạn và Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên.

(12) Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên: Trên cơ sở nhập nguyên trạng Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Kạn và Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên.

(13) Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Thái Nguyên: Trên cơ sở nhập nguyên trạng Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Bắc Kạn và Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Thái Nguyên.

- Cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (Ban Quản lý các khu công nghiệp Thái Nguyên): Trên cơ sở nhập nguyên trạng Ban Quản lý các

khu công nghiệp tỉnh Bắc Kạn và Ban Quản lý các khu công nghiệp Thái Nguyên.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập:

+ Việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện hiện nay để chuyển giao, thành lập mới đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã sau sắp xếp thực hiện theo Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp và các quy định, hướng dẫn của các Bộ quản lý chuyên ngành, lĩnh vực sự nghiệp.

+ Trước mắt, tiếp nhận nguyên trạng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và trực thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh của hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên về tỉnh Thái Nguyên (sau sáp nhập), sau đó thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại toàn bộ các đơn vị sự nghiệp nêu trên theo nguyên tắc: Một đơn vị sự nghiệp có thể cung ứng nhiều dịch vụ sự nghiệp công cùng loại nhằm giảm mạnh đầu mối, khắc phục chồng chéo, dàn trải, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ; cơ cấu lại hoặc giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động không hiệu quả, bảo đảm nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu gắn với cơ cấu lại, giảm viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

+ Phương án bố trí, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập:

++ Đối với lĩnh vực giáo dục: Giữ nguyên các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non công lập và chuyển giao cho chính quyền địa phương cấp xã quản lý. Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện hiện nay sẽ chuyển về Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý và tổ chức lại để thực hiện cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường.

++ Đối với lĩnh vực y tế: Duy trì các Trạm Y tế xã, phường hiện có để đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn. Căn cứ vào diện tích, quy mô dân số của đơn vị hành chính cấp xã mới có thể tổ chức lại thành 01 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện nhiệm vụ về phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân trên địa bàn. Đối với

các trung tâm y tế, bệnh viện đa khoa thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện hiện nay sẽ chuyển về Sở Y tế quản lý để sắp xếp, tổ chức cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường.

++ Sắp xếp, tổ chức 01 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu cho người dân trên địa bàn (cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin, truyền thông, nông nghiệp, môi trường,...).

++ Sắp xếp lại, tổ chức 01 đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên (Ban quản lý dự án) thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực xây dựng, phát triển quỹ đất, giải phóng mặt bằng,... trên địa bàn. Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân tỉnh có thể thành lập đơn vị sự nghiệp thuộc Ban quản lý dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh để cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường.

++ Tiếp tục rà soát, thực hiện việc cơ cấu lại hoặc giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động không hiệu quả, bảo đảm nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu gắn với cơ cấu lại, giảm viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo yêu cầu của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Đối với các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có phần vốn nhà nước: thực hiện tiếp nhận nguyên trạng các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và nguyên trạng người đại diện, phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có phần vốn nhà nước về tỉnh Thái Nguyên (sau hợp nhất); căn cứ tình hình thực tế và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; đánh giá, cử, cử lại, cho thôi đại diện phần vốn nhà nước hoặc thực hiện chính sách, chế độ đối với người đại diện phần vốn nhà nước của các doanh nghiệp có phần vốn nhà nước theo quy định.

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp đơn vị hành chính

a) Phương án bố trí biên chế cán bộ, công chức, viên chức sau sắp xếp đơn vị hành chính

- Biên chế cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh

Số lượng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Thái Nguyên (sau sáp nhập) tối đa không vượt quá tổng số cán bộ, công chức, viên chức (số có mặt) của của tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên (trước khi sáp nhập) và thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản bố trí theo đúng quy định⁷. Đối với các cơ quan sáp nhập, trước mắt biên chế sau sáp nhập là tổng số biên chế có mặt của 02 cơ quan trước khi sáp nhập, sau đó thực hiện rà soát, tinh giản biên chế theo đúng lộ trình và quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

- Biên chế cán bộ, công chức, viên chức cấp xã

Do quy mô đơn vị hành chính cấp xã lớn hơn so với hiện nay và nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp xã tăng lên (thực hiện toàn bộ nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp huyện và cấp xã hiện nay). Trước mắt giữ nguyên số lượng biên chế cán bộ, công chức, viên chức của cấp huyện và cán bộ, công chức của cấp xã hiện có trước khi sáp nhập để bố trí cho các đơn vị hành chính cấp xã mới (sau sáp nhập). Thực hiện việc rà soát, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản theo đúng quy định⁸.

b) Phương án bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp đơn vị hành chính

Trước mắt giữ nguyên số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hiện có của hai tỉnh trước khi sắp xếp. Sau khi có quyết định giao biên chế của Trung ương, thực hiện rà soát tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, giải quyết số lượng cán bộ, công chức, viên chức dôi dư theo quy định hiện hành trong 05 năm kể từ khi thực hiện sắp xếp.

⁷ Thực hiện theo mục 1.1.2 trang 18, Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

⁸ Thực hiện theo mục 1.2.3 trang 22, Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ quy định hiện hành của pháp luật và hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương, thực hiện việc bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức của hai tỉnh sau khi sắp xếp như sau:

- Đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý: Thực hiện bố trí, sắp xếp theo thẩm quyền được phân cấp theo quy định, hướng dẫn của Trung ương. Trước mắt số lượng cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh mới sau sắp xếp có thể cao hơn quy định và giảm dần theo lộ trình bảo đảm thực hiện quy định của Chính phủ.

- Đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: Thực hiện điều động toàn bộ công chức, viên chức hiện có của hệ thống chính trị hai tỉnh về cơ quan, đơn vị mới tương ứng sau khi sắp xếp.

- Đối với hợp đồng lao động: Căn cứ vị trí việc làm và yêu cầu nhiệm vụ, các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện ký hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng quy định của pháp luật; đối với lao động hợp đồng sau khi sắp xếp, nếu đủ điều kiện nghỉ chính sách, chế độ theo quy định hiện hành của Nhà nước thì được xem xét thực hiện nghỉ việc theo quy định.

Số lượng cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh sau khi sắp xếp là: 12.068 người. Trong đó:

- Cán bộ: 87 người.
- Công chức: 2.374 người.
- Viên chức: 9.607 người.

Số lượng cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh dự kiến bố trí tiếp tục công tác là 11.443 người. Trong đó:

- Cán bộ: 60 người.
- Công chức: 2.087 người.
- Viên chức: 9.296 người.

3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách tinh giản biên chế cán bộ, công chức, viên chức sau sắp xếp

Thực hiện giải quyết số lượng cán bộ, công chức, viên chức dồi dư theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ) trong 05 năm kể từ khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, cụ thể số lượng như sau:

Số lượng cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh thực hiện nghỉ chế độ, chính sách theo quy định gồm 625 người. Trong đó:

- Cán bộ: 27 người.
- Công chức: 287 người.
- Viên chức: 311 người.

III. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Phương án bố trí điều kiện làm việc, cơ sở vật chất, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các trụ sở làm việc

Căn cứ cơ sở vật chất hiện có, kịp thời bố trí đủ điều kiện làm việc, cơ sở vật chất phục vụ công việc cho các cơ quan, đơn vị sau khi sắp xếp; đối với trụ sở chưa đảm bảo điều kiện làm việc thì kịp thời cân đối, bố trí kinh phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng trụ sở làm việc phù hợp với nhu cầu thực tế và theo quy định của pháp luật; bảo đảm khai thác hiệu quả các tài sản công hiện có.

2. Bố trí nhà ở công vụ, phương tiện đi lại (từ tỉnh cũ đến trung tâm chính trị - hành chính mới) cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị hành chính cùng sắp xếp để ổn định điều kiện làm việc tại đơn vị hành chính mới sau sắp xếp

Căn cứ hệ thống cơ sở vật chất hiện có, nguồn kinh phí, bố trí nhà ở công vụ, phương tiện phục vụ công tác và nhu cầu đi lại cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ở xa để ổn định điều kiện làm việc tại đơn vị hành chính mới sau sắp xếp.

Căn cứ điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của bộ máy trong hệ thống chính trị, có thể bố trí tỷ lệ hợp lý số lượng cán bộ, công chức, viên chức làm việc đồng thời tại trụ sở hành chính của tỉnh cùng sáp nhập và tại trung tâm hành chính - chính trị của đơn vị hành chính mới để bảo đảm công tác quản lý nhà nước tại các địa bàn của tỉnh cùng sáp nhập và giảm bớt áp lực về việc bố trí trụ sở cơ quan, đơn vị, giảm khó khăn cho việc đi lại,

sinh hoạt của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong giai đoạn đầu sáp nhập.

3. Đối với tài sản không tiếp tục sử dụng

Thực hiện rà soát, thống kê, xây dựng phương án tiếp tục bố trí, sử dụng; thực hiện điều chuyển cho cơ quan, đơn vị khác sử dụng theo hướng: (1) Ưu tiên bố trí cho giáo dục, y tế, an ninh, quốc phòng, Trung tâm phục vụ hành chính công của ĐVHC cấp xã mới, không gian công cộng phục vụ hoạt động của cộng đồng; (2) Chuyển giao cho tổ chức có chức năng kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác theo quy định tại Nghị định 108/2024/NĐ-CP ngày 23/8/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý khai thác; hoặc giao cho tổ chức phát triển quỹ đất quản lý khai thác theo quy định của pháp luật đất đai để thực hiện giao đất, cho thuê đất theo đúng quy định, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, bảo đảm hoàn thành trong vòng 05 năm kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh có hiệu lực thi hành.

IV. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP

1. Người dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hưởng lương trong lực lượng vũ trang trên địa bàn đơn vị hành chính sau sắp xếp tiếp tục hưởng chế độ, chính sách đặc thù áp dụng theo vùng, theo khu vực hoặc theo đơn vị hành chính như trước khi thực hiện sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền.

2. Giữ nguyên phạm vi, đối tượng và nội dung của các chế độ, chính sách theo quy định của trung ương và địa phương áp dụng đối với đơn vị hành chính như trước khi sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền.

V. KẾ HOẠCH, LỘ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP TỈNH BẮC KẠN VÀ TỈNH THÁI NGUYÊN

1. Sở Nội vụ

- Tham mưu triển khai, tổ chức thực hiện các quy trình, thủ tục về sắp xếp cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan thực hiện việc lấy ý kiến Nhân dân về Đề án sắp xếp tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên.

- Tham mưu, hướng dẫn việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về sắp xếp cấp tỉnh theo quy định và theo hướng dẫn của Trung ương.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng đề án sắp xếp bộ máy bên trong theo quy định.

2. Công an tỉnh

- Cung cấp dữ liệu về quy mô dân số theo quy định để làm cơ sở xây dựng Đề án sắp xếp tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên; đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn toàn tỉnh khi thực hiện quy trình, thủ tục về sắp xếp cấp tỉnh, đặc biệt là quá trình lấy ý kiến Nhân dân về Đề án sắp xếp tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có liên quan sau sắp xếp cấp tỉnh thực hiện việc sử dụng con dấu theo đúng quy định; đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn toàn tỉnh sau khi sắp xếp.

3. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Phối hợp với Công an tỉnh đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn toàn tỉnh khi thực hiện quy trình, thủ tục về sắp xếp cấp tỉnh, đặc biệt là quá trình lấy ý kiến Nhân dân về Đề án sắp xếp tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Cung cấp số liệu về diện tích tự nhiên của tỉnh Thái Nguyên phục vụ xây dựng Đề án sắp xếp tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên.

- Hướng dẫn việc rà soát, chỉnh lý hồ sơ địa chính đối với địa phương bị ảnh hưởng của việc thay đổi tên gọi của đơn vị hành chính cấp tỉnh.

- Hướng dẫn việc rà soát, thực hiện dự án, tiểu dự án và các hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên sau khi sắp xếp.

5. Sở Tài chính

- Cung cấp số liệu về tài sản là trụ sở dôi dư sau khi thực hiện sắp xếp cấp tỉnh.

- Hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc sắp xếp, xử lý tài sản là trụ sở dôi dư sau khi thực hiện sắp xếp cấp tỉnh.

- Hướng dẫn việc chuyển đổi Giấy phép kinh doanh của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp bị ảnh hưởng của việc thay đổi tên gọi của đơn vị hành chính cấp tỉnh.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Tham mưu thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền về việc sắp xếp cấp tỉnh, tạo sự thống nhất về nhận thức, hành động và sự đồng thuận trong các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của việc sắp xếp cấp tỉnh.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

Ban hành hướng dẫn về chính quyền điện tử, chính quyền số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; chủ trì hướng dẫn các đơn vị thực hiện cập nhật, điều chỉnh chữ ký số trong thực hiện sắp xếp tại các địa phương sau sắp xếp.

8. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với các địa phương thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy đảm bảo số lượng cho phù hợp và nội dung bàn giao, quản lý tài sản, trụ sở làm việc tại các trạm y tế tại các đơn vị hành chính cấp xã đảm bảo theo đúng quy định.

9. Sở Tư pháp

Hướng dẫn các địa phương tháo gỡ vướng mắc trong lĩnh vực áp dụng quy định của pháp luật, lĩnh vực tư pháp, hộ tịch; hướng dẫn theo thẩm quyền việc áp dụng pháp luật về các nội dung liên quan khi thực hiện thay đổi tên gọi của đơn vị hành chính cấp tỉnh.

10. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Hướng dẫn các địa phương việc rà soát, điều chỉnh thực hiện các chính sách theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 liên quan đến đơn vị hành chính tỉnh sau khi thực hiện sắp xếp; tham mưu cho Ủy ban nhân dân về việc công nhận đơn vị hành chính tỉnh hình thành sau sắp xếp thuộc khu vực miền núi, vùng cao theo quy định của pháp luật.

11. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Chỉ đạo Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân việc giải quyết thủ tục hành chính chuyển đổi các loại giấy tờ và không thu các loại phí, lệ phí theo thẩm quyền quy định tại khu vực bị ảnh hưởng của việc thay đổi tên đơn vị hành chính cấp tỉnh sau sắp xếp.

12. Báo Thái Nguyên, Đài Phát thanh - Truyền hình Thái Nguyên, Cổng thông tin điện tử tỉnh

Tổ chức tuyên truyền về Đề án sắp xếp tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên để tạo sự đồng thuận trong Nhân dân; tuyên truyền về Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp tỉnh và các văn bản khác có liên quan.

13. Các sở, ban, ngành của tỉnh

- Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc xây dựng Đề án sắp xếp tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương sắp xếp, tổ chức lại bộ máy, thực hiện các công việc liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý đảm bảo số lượng phù hợp, thực hiện bàn giao, quản lý tài sản, trụ sở làm việc theo đúng quy định; tổ chức thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của ngành.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng Đề án sắp xếp, tinh gọn cơ cấu tổ chức bộ máy bên trong, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định, sau khi có Nghị quyết của Quốc hội về sắp xếp tỉnh.

14. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

15. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

- Chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền về Đề án sắp xếp tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên trong phạm vi địa bàn mình quản lý để tạo sự đồng thuận trong Nhân dân về Đề án.

- Tổ chức thực công tác lấy ý kiến Nhân dân về Đề án sắp xếp tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên đảm bảo đúng chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước.

16. Đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

- Phối hợp tổ chức xây dựng đề án sắp xếp đơn vị hành chính; phối hợp tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về đề án và chuẩn bị tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến về đề án theo quy định.

- Phối hợp tổ chức chức sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp xã, các cơ quan, tổ chức thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức và người lao động của các cơ quan, tổ chức thuộc thẩm quyền.

- Phối hợp xây dựng, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ điều kiện đi lại và làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan, tổ chức ở đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp về công tác tại trung tâm hành chính của đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp xã sau sắp xếp phù hợp khả năng cân đối ngân sách.

- Chỉ đạo đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện tuyên truyền, thông tin đến cử tri và nhân dân về việc sắp xếp đơn vị hành chính, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong cử tri và nhân dân.

17. Đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy

- Phối hợp cung cấp số liệu về cán bộ, công chức, viên chức khối Đảng, đoàn thể để làm cơ sở xây dựng Đề án sắp xếp tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên.

- Chủ trì phối hợp với Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân

sự trong các cơ quan Đảng, đoàn thể, chính quyền, đơn vị sự nghiệp công lập của đơn vị hành chính tỉnh mới hình thành sau sắp xếp.

18. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

Phối hợp với Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, Đề án sắp xếp tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính tỉnh.

19. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp

- Xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động khi thực hiện việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện sắp xếp lại các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ theo Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

20. Công tác phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương thuộc tỉnh Bắc Kạn

Đề nghị các sở, ban, ngành thuộc tỉnh Thái Nguyên chủ động, tích cực phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương thuộc tỉnh Bắc Kạn để phối hợp xây dựng Đề án sắp xếp tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên; bố trí, sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức, trụ sở... đối với các cơ quan, đơn vị sau khi đơn vị hành chính cấp tỉnh mới được hình thành.

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

a) Xây dựng Đề án sắp xếp tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên nhằm thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, kế hoạch của Chính phủ và các kế hoạch, chỉ đạo của Ban

Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về sắp xếp các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

b) Sắp xếp tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên là cần thiết nhằm tổ chức hợp lý đơn vị hành chính, phù hợp với thực tiễn, xu thế phát triển, đồng thời bảo đảm yếu tố lịch sử của hai tỉnh; bảo đảm bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh, gọn, mạnh, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; tinh giản biên chế; cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; tạo liên kết vùng, mở rộng không gian phát triển, củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, góp phần phát huy mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân.

c) Việc sắp xếp tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên đã đảm bảo thực hiện đúng các chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật⁹, phù hợp với thực tiễn tại địa phương.

2. Kiến nghị, đề xuất

Trên đây là Đề án sắp xếp tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên kính trình Chính phủ, Bộ Nội vụ xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các đoàn thể;
- TT tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bắc Kạn;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Bắc Kạn;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Huy Dũng

⁹ Các chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật được nêu tại mục I, mục II Phần I Đề án này.

THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH TRƯỚC SẮP XẾP
VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN SAU SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH
(Kèm theo Đề án sắp xếp tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên)

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Quy mô kinh tế			Số ĐVHC cấp xã trước sắp xếp	Số ĐVHC cấp cơ sở trực thuộc (dự kiến)			Yếu tố đặc thù (nếu có)
		Diện tích (Km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)	GRDP	Tổng thu NSNN (tỷ đồng)	Thu nhập BQ đầu người (triệu đồng)		Xã	Phường	Tổng	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	Hiện trạng												
1	Tỉnh Bắc Kạn	4.853,25	60,67%	365.318	40,59%	7,40%	945,133	57,00	108	...	...	...	Tỉnh vùng cao
2	Tỉnh Thái Nguyên	3.521,96	44,02%	1.434.171	159,35%	6,22%	20.403,000	119,20	172	42	13	55	Tỉnh miền núi
II	Kết quả tỉnh Thái Nguyên (sau khi sắp xếp)	8.375,21	104,69%	1.799.489	199,94%		21.348,133		280				Tỉnh miền núi, vùng cao

Ghi chú:

- Số liệu được tính đến thời điểm ngày 31/12/2024.

TỈNH THÁI NGUYÊN*Phụ lục 1.2*

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH SAU SẮP XẾP
(Kèm theo Đề án sắp xếp tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên)

Số TT	Đối tượng	Số lượng theo định mức được giao	Số lượng hiện có (số có mặt)	Số lượng thực hiện sắp xếp, tinh giản theo quy định hiện hành (theo Nghị định 178, 67... và các chính sách địa phương)
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
I	TỈNH BẮC KẠN	4.633	4.153	174
1	Cán bộ	50	46	11
2	Công chức	1.128	1.013	116
3	Viên chức	3.455	3.094	47
II	TỈNH THÁI NGUYÊN	8.734	7.915	451
1	Cán bộ	54	41	16
2	Công chức	1.466	1.361	171
3	Viên chức	7.214	6.513	264
III	TỔNG (tỉnh Thái Nguyên sau khi sắp xếp)	13.367	12.068	625
1	Cán bộ	104	87	27
2	Công chức	2.594	2.374	287
3	Viên chức	10.669	9.607	311

TỈNH THÁI NGUYÊN*Phụ lục 1.3*

PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TRỤ SỞ CÔNG
DỰ KIẾN KHÔNG TIẾP TỤC SỬ DỤNG SAU SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH
(Kèm theo Đề án sắp xếp tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên)

Số TT	Tên tỉnh	Số lượng	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình				
			Số lượng tiếp tục sử dụng	Số lượng không tiếp tục sử dụng	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>
1	Tỉnh Bắc Kạn	1.327	1.265	24	38	1.151	165	11		
2	Tỉnh Thái Nguyên	1.561	1.242	99	220	1.284	175	80	15	7
3	TỔNG	2.888	2.507	123	258	2.435	340	91	15	7